TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM

%

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TANG THANH BIEnPHAT GIAO VIETNAM

TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHÁI 05

KINH TẠP A-HÀM

Việt dịch TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

KINH TẠP A-HAM Hán dịch TAM TẠNG CẦU-NA-BẠT-ĐÀ-LA

Việt dịch TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

BAN PHIÊN DỊCH

Thích Chúc Phú
Thích Nguyên Hùng
Thích Đồng Ngộ
Thích Đồng Hội
Thích Nữ Liên Thiền
Thích Nữ Trung Thể
Thích Nữ Tuệ Thành
Thích Nữ Thành Thông
Thích Nữ Đức Thuận
Thích Nữ Đức Nghiêm

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HÔI ĐÒNG CHỨNG MINH
(Nhiệm kỳ 2017-2022)
PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG

• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH
. Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
-Chủ tịch Hợi đồng Trị sự GHPGVN
• Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
. Phổ Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
• Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO BÔ PHÁI

•Trưởng ban
-Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
. Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
. Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
-Hòa thưcmg THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
-Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HUNG
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG

-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
-Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY
•Trưởng ban Tài chánh
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN
LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật y r 2 rong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp luân",nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguôn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: “Di Thảnh giảo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâmf dĩ tự tâm vi tri đăng chiếu kỉnh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp
làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điên. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, môi hành giả có được cách tiêp cận5 tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá tri Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tg" Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mách", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phan làm cho

x KINH TẠPA-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh uTác Như Lai sứ, hành Như Lai sụ?' Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát? tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phi dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Nam'\ vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nanf\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thể giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vỉnaya Pỉtaka, H.Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pỉtaka, H.? Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam). Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tuyên tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vinaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma, H.V6 tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyên thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pâli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lưu truyên đên ngày nay. Hai tác phàm Đảo sử (Dīpavamsd) và Đại sử (Mahãvamsa) đêu ghi nhận răng trong triêu đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pali bat đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ? được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng

(Tibetan Buddhist Canon) gồm hai tạng: Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. về phương diện lịch sử Hơn lo thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (l867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp noi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tinh {Ma-ha Bắt-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Nỉết-bàn. Đại TQp); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hàrrỉ). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hànỉ). v.v...

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pali sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tai bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ5 Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học

Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quôc gia thuộc hai truyền thông Phật giáo Nam truyên và Băc truyên đêu có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ tư lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khác gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hằnh Kinh Trường bô từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kế tiep, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 6 quyển ữong Kinh Tiểu bộ: Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milinda van đạo.

giáo Đại thừa chiu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh ()có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các
học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ? Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm? Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất gần một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P.

Sutamayapaññā, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đê tạo nên bản sác văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái5 sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thốnệ tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức WNam. Dân tộc Việt Nam từ thơi khởi nguyên đã co mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng đê chuyên tải nội dung của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành tri, gia tăng hiệu

ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. ở Ấn Độ, lần kết tập thư tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỵ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điên tiêp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khâu truyên. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Anh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điên Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyên sang thê giới phương Tây sớm nhát. Tạng Pali do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pali được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thê kỷ v đã có công lớn đôi với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pali và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyền thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vao thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishõ Shinshũ Daỉzõkyõ,)do Takakusu Junjiro,

Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

LỜI NÓI ĐẦU xix

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quôc gia là khăc gô Đại tạng kinh. Trải qua những biên thiên của lịch sử, thê hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại han, nhimg thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Bức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Đinh Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó? Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

XX KINH TẠPA-HÀM _____

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua A v v. Y những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại le, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các đe bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triên của mạng lưới thông tin toàn câu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá tri hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhác từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm

bảo uvăn nghĩa đày díT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH.....ix LỜI GIỚI THIỆU..... xi LỜI NÓI ĐẦU..... xvii MỤC LỤC..... .... xxiii BANG VIẾT TẮT..... Ixiii DẪN LUẬN..... Ixix KHÁI QUÁT KINH TẠPA-HÀM..... xciii

TẠPA-HÀM QUYỂN l..... l 1. VÔ THƯỜNG..... l 2. CHÂN CHÁNH Tư DUY..... l 3. ĐOẠN TRỪ KHÔ NÃO..... 2 4. VƯỢT QUA SỢ HÃI.....3 5. ƯA THÍCH VÀ HOAN HỶ..... 3 6. TUỆ TRI VÀ KHÔNG TUỆ TRI..... 4 7. HỶ LẠC SẮC..... :..... 5 8. BA THỜI ĐỀU VÔ THƯỜNG..... 5 9. QUÁN SÁT CHÂN THỰC..... 6 10. GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN..... 6 11. BA PHÁP ẤN..... 7 12. NĂM UẨN VÔ THƯỜNG.....7 13. VỊ NGỌT CỦA SẮC..... 8 14. LIỄU TRI VỊ NGỌT..... 9 15. PHIỀN NÃO VÀ CHẤP THỦ..... 10 16. LUÂN HỒI VÀ GIẢI THOÁT..... 12 17. ĐOẠN TRỪ CHẮP TRƯỚC.....13 18. ĐOẠN TRỪ CHẤP

NGÃ..... 15 19. ĐOẠN TRỪ KIẾT sử..... 16 20. THAM KINH.....17

21. D AO ĐỘNG..... 17 22. KIẾP-BA THƯA HỎI PHẬT..... 19 23. LA-HẦU-LA THƯA HỎI PHẬT..... 20 24. ĐỨC PHẬT DẠY LA-HẦU-LA.....21 25. ĐỊNH NGHĨA VÈ ĐA VĂN..... 22 26. ĐỊNH NGHĨA VỀ PHÁP sư..... 23 27. TUẦN Tự THỰC HÀNH THEO PHÁP (1)..... 23 28. NIẾT-BÀN TRONG HIỆN TẠI (1)..... 24 29. TỲ-KHEO TAM-MẬT-LY-ĐỀ.....25 30. TRƯỞNG GIẢ THẦU-LŨ-NA (1)..... 26 31. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA (2)..... 28 32. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA (3)..... 30 QUYÊN 2.....32 33. SẮC KHÔNG PHẢI LÀ NGÃ..... 32 34. NĂM VỊ TỲ-KHEO..... 33 35. BA VỊ HIỀN GIẢ.....34 36. MƯỜI SÁU TỲ-KHEO..... 35 37. KHÔNG TRANH VỚI THẾ GIAN..... 36 38. ĐỊNH DANH VỀ CÁI BÁT..... 37 39. CÁC LOẠI HẠT GIỐNG.....38 40. QUYẾN LUYEN VÀ GIẢI THOÁT..... 40 41. LIỄU TRI NĂM THỦ UẨN..... 40 42. THUẦN THỤC BẢY YẾU Tố..... 43 43. CHẤP THỦ VÀ KHÔNG CHẤP THỦ..... 47 44. CHÚNG SANH VÀ TRÓI BUỘC..... 48 45. GIÁC NGỘ NĂM THỦ UẨN..... 49 46. CHƯỚNG NGẠI LÀ THỦ UẨN.....50 47. TÍN TÂM..... 52 48. CHÂN CHÁNH XUẤT GIA ..... 52 49. PHÁP SANH DIỆT..... 53 50. PHẬT HỎI A-NAN..... 53 51. PHÁP HOẠI..... 54 52. UẤT-ĐỂ-CA..... 55 53. BÀ-LA-MÔN THƯA HỎI PHẬT.....55 54. PHÁP THƯ THẮNG..... 57 55. UẨN VÀ THỦ UẨN..... 58

56. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU.....59 57. DIỆT TRỪ LẬU HOẶC..... 59 58. NGUỒN GỐC CỦA NĂM THỦ UẨN..... 62 QUYỂN 3..... 67 59. PHÁP SANH DIỆT..... 67 60. KHÔNG CÒN ƯA THÍCH..... 67 61. TÍNH CHẤT CỦA NĂM THỦ UẨN..... 68 62. QUÁN SÁT NĂM THỦ UẨN..... 70 63. VÔ MINH DIỆT THÌ MINH SANH..... 72 64. PHÁP CÚ.....73 65. QUÁN SÁT NHƯ THẬT (1)..... 75 66. QUÁN SÁT NHƯ THẬT (2)..... 76 67. TĨNH LẶNG NỘI TÂM..... 77 68. BA YẾU TỐ .....*..... 78 69. VƯỢT THOÁT THÂN KIẾN..... 79 70. KIẾN CHẤP VỀ THÂN (1)..... 80 71. KIẾN CHẤP VỀ THÂN (2)..... 81 72. PHÁP ĐIỀU PHỤC THAM..... 83 73. BUÔNG Bỏ GÁNH NẶNG..... 84 74. ĐẾN VÀ ĐI..... 85 75. NHƯ LAI VÀ A-LA-HÁN..... 86 76. QUÁN SÁT NAM UẨN..... 87 77. CHẤM DỨT TÁI SANH..... 87 78. SANH KHỞI VÀ DIỆT TẬN..... 88 79. SẮC VÔ THƯỜNG..*.. ..... 88 80. PHÁP ẤN CỦA BẬC THÁNH..... 89 81. CÓ NHẦN VÀ CÓ DUYÊN..... 91 82. THẤY ĐƯỢC vô THƯỜNG, KHỔ..... 93 83. THẤY BIẾT NHƯ THẬT..... 94 84. CHÁNH QUÁN..... 95 85. KHÔNG THẤY có NGÃ..... 95 86. SẮC LÀ VÔ THƯỜNG.....97 87. SẮC LÀ KHỔ..... 98 QUYỂN 4..... 99 88. HIẾU DƯỠNG.....99 89. HIẾN TÉ ĐÚNG PHÁP.....99

xxvi KINH TẠP A-HÀM

90. HIỂN TÉ THANH TỊNH..... 101 91. BỐN PHÁP SỐNG AN VUI..... 101 92. BÀ-LA-MÔN KIÊU MẠN.....104 93. BA LOẠI LỬA..... ..... 106 94. THIỆN, BẤT THIỆN NHƯ MẶT TRĂNG..... HO 95. CÚNG DƯỜNG NƠI XÚNG

ĐÁNG..... 111 96. KỆ KHUYÊN DẠY CON..... 113 97. KHẤT THỰC VA TỲ-KHEO..... 114 98. CÀY RUỘNG..... 115 99. PHẠM THIÊN TRƯỚC MẶT..... 117 100. PHẬT LÀ TÊN ĐẸP NHÁT..... 118 101. ĐỨC PHẬT LÀ AI?..... 119 102. PHÁP CHIÊN-ĐÀ-LA..... 120 QUYỂN 5..... 124 103. TỲ-KHEO SAI-MA..... 124 104. TỲ-KHEO DIỆM-MA-CA..... 128 105. NGOẠI ĐẠO TIÊN-NI..... 132 106. TÔN GIẢ A-NẬU-LA-ĐỘ..... 136 107. THÂN BỆNH, TÂM KHÔNG BỆNH..... 138 108. ĐIỀU PHỤC DỤC THAM .....:..... 140 109. THẤY ĐƯỢC THÁNH ĐẾ..... 143 110. NI-KIỀN TỬ TÁT-GIÁ..... 146 QUYỂN 6..... 156 111. HỮU LƯU.....156 112. ĐOẠN TRI..... 157 113. ĐOẠN TRỪ KHỔ.....157 114. BIẾT RÕ KHỔ..... 158 115. DỨT SẠCH KHỔ.....159 116. NGÃ VÀ NGÃ SỞ TRÓI BUỘC..... 160 117. PHÁP HỮU LẬU.....161 118. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (1).....162 119. THAM DỤC, ÁI DỤC VÀ HỶ DỤC..... 163 120. NĂM UẨN DO MA TẠO..... ..... 164 121. PHÁP CHÉT (l)..... *..... 165 122. ĐỊNH NGHĨA VỀ CHÚNG SANH..... 166 123. HỮU THÂN..... 167

124. MA..... 169 125. DO MA TẠO TÁC..... 169 126. PHÁP CHÉT (2)..... 171 127. PHÁP ĐOẠN (1).....171 128. PHÁP ĐOẠN (2)..... 172 129. PHÁP ĐOẠN (3)..... 172 130. NĂM THỦ UẨN VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư..... 173 131. THÂN CẬN VỚI SẮC.....175 132. KHÔNG THÂN CẬN VỚI SẮC..... 176 133. SÁU Cơ SỞ KIẾN CHẤP.....176 134. CHẨM DỨT HOÀI NGHI BỐN ĐẾ..... 178 135. DỨT SẠCH HOÀI NGHI..... 178 136. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ

(1)..... 179 137. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (2)..... 180 138. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (3)..... 180 QUYỂN 7..... 181 139. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (1).....181 140. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (2)..... 182 141. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (3).....182 142. NGÃ VÀ NGÃ SỞ (1)..... 183 143-144. NGÃ VÀ NGÃ sở (2-3)..... 183 145. SANH KHỞI HỮU LẬU.....183 146. BA CẢM THỌ..... 184 147. BA KHÔ .... 184 148. TÁM PHÁP..... 184 149. TA HƠN..... 185 150. NGƯỜI HƠN..... 185 151. HƠN VÀ KÉM..... 186 152. CÓ NGÃ..... 186 153. KHÔNG HAI..... 186 154. CHẤP KHÔNG..... 187 155. KHÔNG CÓ Nỗ Lực..... 188 156. CHẾT LÀ HẾT..... 188 157. KHÔNG NHÂN KHÔNG DUYÊN..... 189 158. Sự THANH TỊNH CỦA CHÚNG SANH.....189 159. KHÔNG THẤY, KHÔNG BIẾT..... 190 160. THẤY VÀ BIẾT..... 190

161. BẢY LOẠI THÂN..... 191 162. KHÔNG TIN có NGHIỆP BÁO.....191 163. CÁC LOẠI CHÚNG SANH..... 192 164. THUYẾT KHÔNG THỂ BIẾT..... 193 165. ĐẤNG SÁNG THẾ..... 194 166. HỮU BIÊN VÀ VÔ BIÊN..... 194 167. CÁC LOẠI CHẤP NGÃ..... 195 168. MƯỜI BỐN CÂU HỎI..... 195 169. CHẤP NGÃ, THẾ GIAN.....196 170. ĐỆ NHẤT NGHĨA BÁT-NIẾT-BÀN..... 197 171. NGÃ ĐOẠN DIỆT..... 197 172. CÁC PHÁP VÔ THƯỜNG..... 198 173. QUÁ KHỨ VÔ THƯỜNG..... 198 174. VÔ THƯỜNG VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư..... 199 175. LỬA VÔ THƯỜNG..... 200 176. ĐOẠN TRỪ VÔ THƯỜNG (1)..... 201 177. ĐOẠN TRỪ vô THƯỜNG

(2)..... 202 178. ĐOẠN TRỪ PHÁP BẤT THIỆN..... 203 179. TU DỤC ĐỊNH..... 204 180. Tư TÍN CAN..... 204 181. TU TÍN Lực..... 205 182. TU NIỆM GIÁC PHẦN..... 206 183. TU CHÁNH KIẾN..... 207 184. BỐN PHÁP DIỆT KHÔ..... 208 185. PHÁP CÚ KHÔNG THAM..... 209 186. TU THIỀN CHỈ..... 210 187. THÀNH Tựu MỘT PHÁP..... 212 QUYỂN 8.....214 188. LÌA HỶ? THAM..... 214 189. ĐOẠN TRỪ THAM DỤC..... 214 190. KHÒNG NHẬN BIẾT ..... 215 191. NHẬN BIẾT ĐỂ THOÁT SANH TỬ.....216 192. LÌA DỤC..... 216 193. LÌA DỤC VÀ GIẢI THOÁT..... 217 194. ƯA THÍCH..... 217 195. TẤT CẢ ĐỀU VÔ THƯỜNG.....218 196. GIẢI THOÁT VÔ THƯỜNG.....218

197. BA LOẠI THỊ HIỆN..... 219 198. LA-HẦU-LA*.....:..... ..... 199. NHẬN THỨC SAI LẦM..... 221 200. TUỆ GIẢI THOÁT THUẦN THỤC..... 222 201. DỨT SẠCH PHIỀN NÃO..... 225 202. DỨT TRỪ NGÃ KIẾN..... 226 203. ĐOẠN TRỪ MỘT PHÁP..... 227 204. NHẬN BIẾT NHƯ THẬT..... 228 205. ƯU-ĐÀ-NA..... ... ...28 206. THỰC TẠI HIỆN TIỀN.....229 207. TU TẬP THIỀN ĐỊNH..... 230 208. SÁU CÀN VÔ THƯỜNG (1).....230 209. SÁU XÚC NHẬP XỨ..... 231 210. ĐỊA NGỤC..... 232 211. NAM DỤC THẾ GIAN..... 233 212. HẠNH KHÔNG BUÔNG LUNG..... 234 213. HAI PHÁP..... 235 214. HAI NHÂN DUYÊN..... 236 215. PHÚ-LÂU-NA.....237 216. BIÊN LỚN (1).....238 217. BIỂN LỚN (2).....239 218. KHỔ TẬP KHỞI VÀ KHỔ DIỆT TẬN..... 239 219. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT-BAN

(1)..... 240 220. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT-BÀN (2)..... 241 221. TẤT CẢ THỦ..... 241 222. NHẬN THỨC RÕ RÀNG VÀ TOÀN DIỆN..... 242 223. KHÔNG NHẬN BIẾT, KHÔNG HIỂU RÕ..... 242 224. TẤT CẢ PHÁP THAM DỤC..... 243 225. ĐOẠN TRỪ ĐỂ THOÁT KHỔ..... 243 226. ĐOẠN TRỪ NGHĨ TƯỞNG..... 244 227. SỐNG KHÔNG CHẤP TRƯỚC..... 244 228. TĂNG TRƯỞNG VÀ TỔN GIẢM..... 245 229. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU..... 246 QUYỂN 9..... 247 230. TÔN GIẢ TAM-DI-LY-ĐỀ..... 247 231. THẾ GIAN MONG MANH..... 248

XXX KINH TẠPA-HÀM

232. TÁNH KHÔNG..... 248 233. CON ĐƯỜNG DIỆT TẬN THẾ GIAN..... 249 234. TẬN CƯNG THỂ GIỚI..... 249 235. CÓ THẦY, CÓ ĐỆ TỬ..... 251 236. KHẮT THỰC THANH TỊNH..... 252 237. THANH TỊNH HOÀN TOÀN..... 253 238. NHÂN DUYÊN..... 253 239. KIẾT SỬ VÀ PHÁP KIẾT sử..... 254 240. CHẤP THỦ..... 254 241. THÀ CHỊU NUNG ĐỐT..... 255 242. THẤY BIẾT ĐỂ ĐOẠN TẬN KHỔ..... 256 243. VỊ NGỌT CỦA MẮT..... 257 244. MÓC CÂU CỦA MA..... 257 245. BỐN PHẨM PHÁP..... 258 246. MA BA-TUẦN..... 259 247. QUEN GẦN GŨI..... 260 248. TÔN GIẢ ĐẠI THUẦN-ĐÀ..... 261 249. CÒN LẠI NHỮNG GÌ?..... 262 250. DỤC THAM LÀ sự TRÓI BUỘC..... 264 251. BIẾT ĐÚNG NHƯ THẬT.....:..... 265 252. THẦN CHÚ TRỪ RẮN ĐỘC.....266 253. TỲ-NỮU CA-CHIÊN-DIÊN..... 269 254. TÔN GIẢ NHỊ THẬP ức NHĨ..... 272 255. BÀ-LA-MÔN LỔ-HÊ-GIÀ..... 276 QUYỂN 10..... 280 256. VÔ MINH VÀ MINH (1)..... 280 257. VÔ MINH VÀ MINH (2)..... 281 258. VÔ MINH VÀ MINH

(3)..... 282 259. QUÁN NĂM UẨN..... 283 260. PHÁP DIỆT..... 285 261. NGÀI PHÚ-LÂU-NA DẠY A-NAN..... 286 262. TRƯỞNG LÃO XIỂN-ĐÀ..... 287 263. TÙY THUẬN TU TẬP..... 290 264. NẮM ĐẤT NHỎ..... 292 265. BỌT NƯỚC..... 295 266. ÁI BUỘC RÀNG..... 297

267. KHÔNG BIẾT NHƯ THẬT..... 299 268. DÒNG SÔNG..... :..... 300 269. XA LÌA VÀ BUÔNG Bỏ..... 301 270. QUÁN THUẦN THỤC vô THƯỜNG.....303 271. TỲ-KHEO ĐỀ-XÁ..... 304 272. MỤC ĐÍCH XUẤT GIA..... 307 QUYỂN 11..... 310 273. VÍ DỤ TIẾNG vỗ CỦA HAI BÀN TAY..... 310 274. HẠNH BUÔNG Bỏ..... 312 275. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ..... 313 276. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ THUYẾT PHÁP..... 315 277. KHÔNG LUẬT NGHI VÀ LUẬT NGHI..... 322 278. THOÁI THẤT VÀ KHÔNG THOÁI THẤT..... 323 279. ĐIỀU PHỤC SÁU CẢN..... 323 280. BÀ-LA-MÔN THÀNH TÀN-ĐÀU..... 325 281. BỆN TÓC MỤC-KIỀN-LIÊN..... 327 282. TU TẬP CÁC CẢN..... 330 QUYỂN 12..... 334 283. VÍ DỤ TRỒNG CÂY..... 334 284. VÍ DỤ VỀ CỘI CÂY LỚN..... 335 285. CHỖ NƯƠNG TỰA..... 336 286. VÍ Dư ĐỐNG LỬA..... 337 287. VÍ DỤ CON ĐƯỜNG cũ..... 338 288. VÍ DỤ VỀ BA CÂY LAU SẬY..... 340 289. HÀNG PHÀM PHU MÊ MUỘI..... 343 290. THÁNH ĐỆ TỬ ĐA VĂN..... 344 291. Sự TIẾP XÚC NỘI TÂM..... 345 292. Tư DUY, QUÁN SÁT.....347 293. PHÁP SÂU XA..... 350 294. PHÀM NGU VÀ BẬC TRÍ..... 351 295. KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG..... 353 296. ĐOẠN TẬN KIẾN CHẮP..... 353 297. KINH ĐẠI KHÔNG

PHÁP..... 355 298. PHÁP THUYẾT, NGHĨA THUYẾT..... 356 299. PHÁP DUYÊN KHỞI..... 357 300. TRUNG ĐẠO..... 358

xxxii KINH TẠPA-HÀM

301. LÌA NHỊ BIÊN.....359 302. A-CHI-LA CA-DIẾP..... 360 303. TU SĨ ĐIẾM-MÂU-LƯU..... 362 QUYỂN 13..... 364 304. BA MƯƠI SÁU PHÁP.....364 305. SÁU PHÂN BIỆT VỀ SÁU NHẬP xứ..... 365 306. ĐỂ ĐƯỢC THAY PHÁP..... :..... 367 307. BẬC THẤY PHÁP..... 368 308. KHÔNG ĐẮM NHIỄM..... 369 309. SỐNG CHUNG VÀ SỐNG MỘT MÌNH..... 371 310. LỘC-NỮU ĐẮC PHÁP..... 372 311. TÔN GIẢ PHÚ-LÂU-NA..... 373 312. TUỔI GIÀ HỌC ĐẠO.....375 313. NHẬN ĐỊNH VỀ KINH PHÁP..... 377 314 ĐOẠN DỤC..... ... .379 315. CHUYỂN BIẾN SANH DIỆT.....379 316. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (2)..... 380 317. SÁU CẦN LÀ KHỔ..... 380 318. SÁU CẢN VÔ NGÃ..... 380 319. THẾ NÀO GỌI LÀ TẤT CẢ?.....381 320. TẤT CẢ ĐỀU CÓ..... 381 321. TẤT CẢ PHÁP.....382 322. CÀN VÀ TRÀN..... 383 323. SÁU CĂN..... 384 324. SÁU TRẦN..... 385 325. SÁU LOẠI THỨC..... 385 326. SÁU LOẠI XÚC..... 385 327. SÁU LOẠI THỌ..... 386 328. SÁU LOẠI TƯỞNG..... 386 329. SÁU LOẠI Tư.....386 330. SÁU LOẠI ÁI..... 387 331. SÁU LUYẾN NHỚ..... 387 332. SÁU THỨ CHE ĐẬY..... 388 333. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (3)..... 388 334. NHẪN, DUYÊN VÀ PHÁP TRÓI BUỘC..... 388 335. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG..... 389

336. SÁU HỶ HÀNH..... 390 337. SÁU ƯU HÀNH..... 391 338. SÁU XẢ HÀNH..... 391 339. SÁU THƯỜNG HÀNH (1)..... 391 340. SÁU THƯỜNG HÀNH (2)..... 392 341. PHÁP KHÓ ĐẠT Được..... 392 342. BẬC PHƯỚC ĐIỀN vò THƯỢNG..... 393

QUYỂN 14..... 394 343. KHỔ VUI DO DUYÊN.....394 344. TÔN GIẢ CÂU-HY-LA..... 397 345. THỂ NHẬP PHÁP GIỚI..... 402 346. BA PHÁP..... 404 347. LÉN TRỘM GIÁO PHÁP..... 406 348. MƯỜI Lực..... 413 349. TRÚ XỨ BẬC THÁNH..... 414 350. THÁNH ĐỆ TỬ..... 414 351. THẤY BIẾT VÀ CHÚNG ĐẮC..... 415 352. SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN NÊN BIẾT..... 417 353. KHÔNG THỂ VÀ có THỂ..... 418 354. VƯỢT THOÁT KHỎI xúc..... 419 355. GIÀ CHẾT..... ...420 356. BỐN MƯƠI BỐN LOẠI TRÍ.....420 357. BẢY MƯƠI BẢY LOẠI TRÍ.....421 358. PHÁP TĂNG VÀ PHÁP GIẢM..... 422 359. KIẾT SỬ VÀ THỨC..... 422 360. KIẾT SỬ VÀ DANH SẮC..... 423 361. CHỖ BÁM VÍU CỦA THỨC.....423 362. TỲ-KHEO ĐA VĂN..... 424 363. TỲ-KHEO THUYẾT PHÁP..... 424 364. TUẦN Tự THỰC HÀNH THEO PHÁP (2)..... 425 QUYỂN 15.....
427 365. NIẾT-BÀN TRONG HIỆN TẠI (2)..... 427 366. BẢY VỊ PHẬT..... 427 367. BIẾT Rồ NHƯ THẬT.....429 368. THIỀN ĐỊNH..... *..... 429 369. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN..... 430

xxxiv KINH TẠPA-HÀM

370. ĐỨC PHẬT VÀ DUYÊN KHỞI..... 431 371. NHÂN VÀ TẬP KHỞI CỦA THỨC ĂN..... 431 372. TỲ-KHEO PHẢ-CẦU-NA..... 432 373. THỊT ĐỨA CON..... 433 374. THỨC DÙNG TRỤ..... 435 375. LO BUỒN VÀ PHIỀN

NÃO..... 436 376. MẶT TRỜI TỎA CHIẾU..... 436 377. KHÔNG THỂ VẼ VÀO Hư KHÔNG.....437 378. HỶ VÀ THAM.....438 379. CHUYÊN PHÁP LUÂN..... 439 380. BỐN THÁNH ĐẾ (1)..... 441 381. BỐN THÁNH ĐẾ (2)..... 442 382. CẦN BIẾT, CÀN HIỂU THÁNH ĐẾ..... 442 383. ĐÃ BIẾT THÁNH ĐẾ.....443 384. ĐÃ HIỂU THÁNH ĐẾ.....443 385. PHẠM HẠNH VẸN TOÀN..... 444 386. DỤNG NGỌN cờ THÁNH..... 444 387. BẠC HIỀN THÁNH..... 445 388. BẠC THƯỢNG sĩ..... 445 389. BẠC ĐẠI Y VƯƠNG..... 446 390. SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN..... 447 391. PHI SA-MÔN5 phi BÀ-LA-MÔN..... 448 392. BIẾT NHƯ THẬT..... 449 393. THIỆN NAM TỬ..... 450 394. TƯỚNG HÙNG ĐÔNG..... 451 395. ÁNH SÁNG VÀ THÁNH ĐỂ..... 452 396. CHÚNG TU-ĐÀ-HOÀN..... 452 397. THỂ NHẬP CHÂN LÝ.....453 398. TRỤ NHAN-ĐÀ-LA..... 454 399. TRỤ ĐÁ..... 455 400. LỬA CHÁY TRÊN ĐẦU..... 456 401. MỘT TRĂM MŨI THƯƠNG..... 457 402. GIÁC NGỘ HOÀN TOÀN..... 457 403. THÔNG ĐẠT THÁNH ĐẾ..... 458 404. RỪNG THÂN-THỨ..... 459 405. LY-XA BẮN TÊN..... 460 406. RÙA MÙ VÀ BỘNG CÂY..... 461

MỤC LỤC XXXV

QUYỂN 16..... 463 407. TRỐN VÀO NGÓ SEN..... 463 408. CÁC LOẠI KIẾN CHẤP..... 464 409. BA BẤT THIỆN TÂM.....465 410. KHỞI NHIỀU NIỆM..... 466 411. TẠP LUẬN..... 466 412. TRANH LUẬN..... • .... 467 413. VIỆC CỦA VUA CHÚA..... 467 414. VIỆC TRONG ĐỜI TRƯỚC..... 468 415. VIỆC CỦA ĐÀN-VIỆT..... 469 416. THỌ TRÌ..... :..... 417. NHƯ NHƯ..... ... .I1I470 470 418. PHỦ NHẬN THÁNH ĐẾ ..... 471 419. TỲ-KHEO NGHI

HOẶC..... 472 420. NGOẠI ĐẠO NGHI HOẶC..... 472 421. VÁCH NÚI NGUY HIỂM..... 473 422. NÓNG CÙNG cực..... 474 423. TỐI TĂM CÙNG cực (1)..... 475 424. TỐI TĂM CÙNG cực (2)..... 475 425. TỐI TÀM CÙNG cực (3)..... 476 426. TỐI TĂM CÙNG cực (4)..... 477 427. BỐN THÁNH ĐẾ (3)..... 477 428. LIỄU TRI NHƯ THẬT..... 478 429. SIÊNG TU THIỀN ĐỊNH..... 478 430. NHƯ CHIẾC GẬY RƠI XUỐNG..... 479 431. CÕI LÀNH HAY CÕI DỮ..... 479 432. VÒNG BÁNH XE..... 480 433. THUYẾT PHÁP TRỌNG YẾU..... 480 434. TRÍ TUỆ SÁNG SUỐT..... 481 435. TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT..... 481 436. BẬC THỀM..... 482 437. TUẦN Tự..... 483 438. SANH LOẠI..... 484 439. ĐẠI TUYET sơn..... 484 440. LƯỢNG NƯỚC..... 485 441. HÒN ĐẤT VÀ NGỌN NÚI..... 486 442. ĐẤT TRÊN MÓNG TAY (1)..... 487

xxxvi KINH TẠPA-HÀM _____

443. SANH KHỞI CHÁNH KIẾN.....489 444. CẢNH GIỚI VÔ LƯỢNG..... 489 445. TÂM CẢNH TƯƠNG ƯNG..... 490 446. BÀI KỆ VỀ Sự TƯƠNG ƯNG (1)..... 490 447. THIỆN, BẤT THIỆN TƯƠNG ƯNG..... 491 448. BÀI KỆ VỀ Sự TƯƠNG ƯNG (2)..... 493 449. TƯƠNG ƯNG NAM GIỚI..... 493 450. PHÂN BIỆT CẢNH GIỚI..... 494 451. CÁC GIỚI..... 494 452. XÚC GIỚI..... 495 453. TUẦN Tự CỦA xúc, THỌ, ÁI..... 496 454 TƯỞNG..... ..... 497 QUYỂN 17..... 498 455. CÁC TƯỞNG..... 498 456. CẢNH GIỚI THIỀN ĐỊNH..... 499 457. THUYẾT..... *..... 500 458. NHÂN..... 501 459. Tự MÌNH LÀM

VÀ NGƯỜI KHÁC LÀM..... 503 460. CU-SƯ-LA..... 504 461. BA CÕI(l)..... 505 462. BA CÕI (2)..... 506 463. BA CÕI (3)..... 506 464. CÙNG MỘT GIÁO PHÁP..... 507 465. ĐOẠN TRỪ TRÓI BUỘC..... 509 466. XÚC VÀ THỌ..... :..... 510 467. THỌ VÀ TƯỞNG..... 510 468. ĐOẠN TRỪ VÀ BIẾT RÕ KIẾT sử..... 511 469. Sự SÂU HIỂM..... 512 470. HAI MŨI TÊN ĐỘC..... 513 471. GIÓ CẢM THỌ...*..... 514 472. QUÁN TRỌ....*..... 516 473 . CẢM THỌ LÀ KHỔ..... 516 474. VẮNG LẶNG VÀ TỊNH CHỈ..... 517 475. CHƯ PHẠT VÀ THỌ..... 519 476. QUÁN CHIẾU CẢM THỌ..... 520 477. A-NAN QUÁN CHIẾU CẢM THỌ..... 520

478. GIẢNG VỀ BA THỌ..... 521 479. BIẾT ĐÚNG VỀ THỌ..... 521 480. SA-MÔN VÀ THỌ .. .. 522 481. SANH KHỞI CẢM THỌ.....523 482. NĂM PHÁP VIÊN MÃN.....524 483. Sự LIÊN HỆ VẬT CHẤT..... 526 484. NAM PHÁP BẠC NHẤT..... 528 485. CÁC LOẠI CẢM THỌ.....529 486. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (1)..... 531 487. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (2)..... 532 488. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (3)..... 533 489. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (4)..... 533 QUYỂN 18..... 535 490. DIÊM-PHÙ-XA HỎI ĐẠO..... 535 491. SA-MÔN XUẤT GIA HỎI ĐẠO.....547 492. PHÁ TAN vô MINH..... ..... 548 493. THUYỀN NGƯỢC DÒNG..... 549 494. THẦN THÔNG BIẾN HÓA..... 549 495. GIỚI LÀ NỀN TẢNG..... 550 496. DẬP TẮT TRANH CÃI..... 551 497. NĂM PHÁP CỬ TỘI..... 552 498. TRÍ TUỆ CỦA THẾ TÔN..... 556 499. KHÉO TU

TÂM..... 558 500. NUÔI MẠNG ĐÚNG PHÁP..... 560 501. IM LẶNG CỦA BẬC THÁNH.....562 502. THÁNH TRỤ..... 563 503. NỖ Lực TINH TẤN..... 564 QUYỂN 19..... 567 504. PHƯỚC BÁO BỐ THÍ.....567 505. ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT (1).....568 506. THUYẾT PHÁP TẠI CÕI TRỜI..... 570 507. LÒNG TIN THANH TỊNH..... 573 508. TỘI BÁO GIẾT Mổ BÒ (1)..... 574 509. TỘI BÁO GIẾT Mổ BÒ (2) ..... 575 510. TỘI BÁO GIẾT MỒ DÊ (1)..... 577 511. TỘI BÁO GIẾT MỔ DÊ (2)..... 578

512. TỘI BÁO PHÁ THAI..... 578 513. TỘI BÁO LUYỆN VOI..... 579 514. TỌ! BÁO ƯA THÍCH CHIẾN TRANH..... 579 515. TỘI BÁO THỢ SẢN..... 580 516. TỘI BÁO ĐỒ TỂ GIẾT HEO..... 580 517. TỘI BÁO KẺ CẮT ĐẦU NGƯỜI.....581 518. TỘI BÁO LÀM ĐỒ GIẢ..... 581 519. TỘI BÁO BẮT CÁ..... 582 520. TỘI BÁO NGƯỜI NỮ LÀM NGHỀ BÓI TOÁN..... 582 521. TỘI BÁO NGƯỜI NAM LÀM NGHỀ BÓI TOÁN..... 583 522. TỘI BÁO TÀ DÂM..... 583 523. TỘI BÁO BUÔN BÁN NHAN SẮC..... 583 524. TỘI BÁO LÒNG SÂN HẬN.....585 525. TỌ! BÁO TÂM GANH GHÉT..... 585 526. TỘI BÁO TRI sự KHÔNG CHIA DẦU .....586 527. TỘI BÁO SA-DI TRỘM BẢY TRÁI CÂY..... 586 528. TỘI BÁO SA-DI LÉN ĂN ĐƯỜNG PHÈN..... 587 529. TỘI BÁO SA-DI LÉN LẤY BÁNH ..... 587 530. TỘI BÁO LẠM DỤNG CỦA THƯỜNG TRỤ.....588 531. TỌ! BÁO ĐANH BÒ KẺO XE ..... 588 532. TỘI BÁO MẮNG ĐUỔI TỲ-KHEO..... 589 533. TỘI BÁO ÁC KHẨU VỚI TỲ-KHEO.....589 534. TỘI BÁO TRANH CÃI ĐỘNG CHÚNG..... 590 535. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (1)..... 590 536. THUẦN THỤC BỐN NIỆM xứ..... 592 QUYỂN 20..... 594 537. QUÁN SÁT TIỂU THIÊN THẾ GIỚI..... 594 538. QUÁN SÁT NGÀN NÚI TU-DI..... 595 539. OAI BỨC, THẦN THÔNG LỚN..... 595 540. TRỤ TÂM NƠI BỐN NIỆM xứ..... 597 541. GIAM BỆNH DO TU BON NIỆM

xứ..... 597 542. TRỪ SẠCH CÁC LẬU..... ..... 598 543. A-LA-HÁN VẪN TU BỐN NIỆM xứ.....599 544. TẠI SAO XUẤT GIA..... ..... 600 545. HƯỚNG VỀ NIẾT-BÀN..... 601 546. XA LÌA THAM DỤC VÀ KIẾN DỤC.....601

547. NGƯỜI THIẾU NIÊN VÀ BẬC TÔN TÚC..... 602 548. NGHIỆP LÀ CHÂN THẬT..... 604 549. NỮ Cư Sĩ CA-LÊ-CA ..... 607 550. SÁU PHÁP TÙY NIỆM..... 609 551. GIA CHỦ THÔN HA-LÊ..... 612 552. ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT (2).....615 553. KHÔNG CÒN CHẤP THỦ..... 616 554. THUYẾT PHÁP KHI THĂM BỆNH ..... 617 555. GIA CHỦ ĐÀ-THÍ..... 619 556. TẦM VÔ TƯỚNG TAM-MUỘI..... 619 557. ĐỆ NHẤT cú NGHĨA.....621 558. TRÍ CỨU CÁNH VÀ TRÍ CÔNG ĐỨC..... 621 QUYỂN 21..... 623 559. TƯỞNG VÀ GIÁC TRI.....623 560. BỐN ĐẠO LỘ TU TẬP..... 624 561. TU PHẠM HẠNH..... 625 562. TRƯỞNG GIA CÙ-SƯ-LA..... 627 563. VÔ ÚY LY-XA.....628 564. TÔN GIẢ A-NAN GIÁO GIỚI.....630 565. THIẾU NIÊN LÀNG BÀ-ĐẦU.....632 566. TRƯỞNG GIẢ CHẤT-ĐA-LA.....634 567. RỖNG KHÔNG THƯỜNG TRỤ..... 636 568. TỲ-KHEO GIÀ-MA..... 638 569. TỲ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (1)..... 641 570. TỲ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (2)..... 642 571. THẦN BIẾN CỦA MA-HA-CA..... 644 572. THAM DỤC..... 646 573. NGOẠI ĐẠO LÕA HÌNH..... 647 574. NI-KIEN NHÃ-ĐỀ tử.....649 575. GIÁO HÓA KHI BỆNH.....650 QUYỂN 22..... 653 576. VƯỜN NAN-ĐÀ..... 653 577. BUỘC RÀNG.....653 578. BIẾT HỔ THẸN..... 654 579. CHÁNH PHÁP..... 655 580. ĐIỀU PHỤC..... 655

581. ĐƯỢC NÓI TÔI, CỦA TÔI..... 656 582. DANH Tự LÀ GIẢ DANH..... 657 583. NGUYỆT THIÊN TỬ..... 657 584. DÒNG TỘC VÀ TRÓI BUỘC.....658 585. KHÔNG VUI, KHÔNG BUỒN..... 659 586. NHƯ CỨU LỬA CHÁY ĐÀU.....660 587. RA KHỎI RÙNG SANH TỬ..... 661 588. PHẬN NGƯỜI NHƯ cỗ XE..... 662 589. MONG ĐƯỢC GIÀU có..... 662 590. TỈNH THỨC VÀ NGỦ MÊ..... 663 591. THÂN, MIỆNG KHÔNG TƯƠNG ƯNG..... 665 592. CẤP CÔ ĐỘC QUY Y.....666 593. CẤP CÔ ĐỘC SANH THIÊN.....670 594. THỦ THIÊN TỬ..... 671 595. THỢ GỐM..... 672 596. VƯỢT THOÁT sợ HÃI..... 674 597. THAN TƯỚNG ĐẸP ĐẼ..... 674 598. NGỦ NGHỈ..... 675 599. TRÓI BUỘC..... 676 600. KHÉO NHIẾP CÁC GIÁC TƯỞNG..... 677 601. DÒNG THÁC TÁT-LA..... 677 602. GIẢI THOÁT RỐT RÁO..... 678 603. LÀM SAO VƯỢT CÁC DÒNG..... 679 QUYỂN 23..... 680 604. VUA A-DỤC..... • .... 680 QUYỂN 24..... 713 605. BỐN NIỆM XỨ.....713 606. NÊN TU BỐN NIỆM xứ..... 713 607. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (2)..... 713 608. THÁNH PHÁP BỐN NIỆM xứ..... 714 609. TẬP KHỞI CỦA BỐN NIỆM xứ..... 714 610. TU BỐN NIỆM xứ CẢ BA THỜI..... 715 611. NHÓM PHÁP THIỆN VÀ BẤT THIỆN..... 716 612. VÍ DỤ CÂY CUNG..... :..... 717 613. NHÓM THIỆN, BẤT THIỆN..... 717 614. BẬC ĐẠI TRƯỢNG PHU.

615. CHƯ NI VÀ BỐN NIỆM xứ..... 719 616. ĐẦU BẾP GIỚI..... 720 617. CẢNH GIỚI Tự DO..... 721 618. BỐN NIỆM XỨ VÀ BỐN QUẢ..... 723 619. GIÚP NGƯỜI LÀ GIÚP CHÍNH MÌNH..... 723 620. KHỈ VƯỢN DÍNH

KEO..... 724 621. TỲ-KHEO NIÊN THIẾU..... 725 622. PHƯỚC CÚNG DƯỜNG..... 725 623. GIỮ GÌN BÁT DẦU..... 727 624. TU THEO THỨ LỚP..... 729 625. VƯỢT KHỎI Ác MA..... 730 626. VƯỢT QUA SANH TỬ..... 730 627. SẠCH HẾT CÁC LẬU.....731 628. ĐAM ĐẠO..... 731 629. KHÔNG CÒN THOÁI CHUYỂN..... 732 630. THANH TỊNH VÀ SÁNG CHÓI ..... 732 631. PHÁP MÔN VƯỢT BỜ..... 733 632. CHÚNG QUẢ A-LA-HÁN..... 733 633. LUẬN VỀ TẤT CẢ PHÁP..... 734 634. DẪN ĐẾN HIỀN THÁNH..... 734 635. THANH TỊNH CHO CHÚNG SANH..... 734 636. PHÁP TU BỐN NIỆM xứ..... 735 637. BA DIỆU HẠNH..... 736 638. NƯƠNG TƯA CHÍNH MÌNH.....736 639. HẢI ĐẢO Tự THÂN..... 738 QUYỂN 25..... 740 640. DẤU HIỆU GIÁO PHÁP DIỆT TẬN..... 740 641. NỬA QUẢ A-MA-LẶC..... :.....748

QUYỂN 26..... 755 642. BA CĂN CỦA BẬC THÁNH.....755 643. NĂM CĂN..... 755 644. TU-ĐÀ-HOÀN.....756 645. QUẢ A-LA-HÁN..... 756 646. NỘI HÀM CỦA NĂM CĂN..... 757 647. Ý NGHĨA NĂM CẢN..... 757 648. ĐOẠN BA KIẾT sử..... 758

649. QUÁN SÁT NĂM CĂN..... 758 650. QUÁN SÁT NHƯ THẬT TÍN CĂN.....759 651. BIẾT NHƯ THẬT VỀ NAM CĂN..... 759 652. THÀNH Tựu NAM CĂN..... 760 653. THỨ Tự CHÚNG ĐẮC..... 760 654. TUỆ CẢN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (1).....762 655. TUỆ CĂN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (2)..... 762 656. TUỆ CĂN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (3).....763 657. TUỆ CĂN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (4).....763 658. TUỆ CÀN THÂU NHIẾP TẤT CẢ

(5)..... 764 659. TÂM BỒ-ĐỀ NĂM CĂN..... 764 660. DỨT KHỔ CẢ BA THỜI..... 765 661. HAI LOẠI SỨC MẠNH (1)..... 765 662. HAI LOẠI sức MẠNH (2)..... 766 663. HAI LOẠI sức MẠNH (3)..... 766 664 BA LOẠI sức MẠNH (1). ..... 767 665. BA LOẠI sức MẠNH (2)..... 767 666. BA LOẠI sức MẠNH (3)..... 768 667. BỐN LOẠI sức MẠNH (1)..... 768 668. BỐN NHIẾP sự (1)..... 769 669. BỐN NHIẾP sự (2)..... 769 670. BỐN LOẠI sức MẠNH (2)..... 770 671. BỐN LOẠI SỨC MẠNH (3)..... 770 672. BỐN LOẠI sức MẠNH (4)..... 771 673. NAM LOẠI sức MẠNH (1)..... 772 674. NAM LOẠI sức MẠNH (2)..... 772 675. NĂM LOẠI sức MẠNH (3)..... 772 676. NAM LOẠI sức MẠNH (4).....773 677. SỨC MẠNH CỦA BẬC HỮU HỌC (1)..... 773 678. SỨC MẠNH CỦA BẬC HỮU HỌC (2)..... 774 679. GIẢI THÍCH RỘNG NĂM sức MẠNH..... 774 680. NÊN THÀNH Tựu NĂM sức MẠNH..... 775 681. NĂM PHÁP THANH TỊNH (1)..... 775 682. NAM PHÁP THANH TỊNH (2)..... 776 683. PHÁP BẤT THIỆN..... 777 684. KHÁC BIỆT GIỮA PHẬT VÀ A-LA-HÁN..... 777 685. NHŨ MẪU..... 780

686. SÁU NANG Lực CỦA NHƯ LAI (1)..... 781 687. SÁU NĂNG Lực CỦA NHƯ LAI (2)..... 782 688. BẢY SỨC MẠNH..... 783 689. THÀNH Tựu BẢY sức MẠNH..... 783 690. CÔNG NÀNG CỦA BẢY sức MẠNH..... 784 691. NÓI RỘNG BẢY sức MẠNH.....784 692. TÁM SỨC MẠNH..... 785 693. NÓI RỘNG VỀ TÁM sức MẠNH..... 785 694. SỨC MẠNH CỦA BẬC A-LA-HÁN..... 786 695. TỲ-KHEO KHÁC Hỏi PHẬT (1)..... 787 696. HỎI CÁC TỲ-KHEO..... 787 697. CHÍN SỨC MẠNH..... 787 698. NÓI RỘNG VỀ CHÍN sức MẠNH..... 788 699. MƯỜI SỨC MẠNH..... 788 700. NÓI RỘNG VỀ MƯỜI sức

MẠNH..... 789 701. MƯỜI Lực CỦA NHƯ LAI..... 790 702. TRÍ Lực CỦA NHƯ LAI..... 790 703. TRÍ VÔ ÚY CỦA NHƯ LAI..... 791 704. Tư DUY CHÂN CHÁNH..... 792 705. PHÁP KHÔNG THOÁI THẤT..... 793 706. GIÁC CHI LÀ MẮT SÁNG.....793 707. CHƯỚNG NGẠI VÀ NGÀN CHE..... 794 708. HẠT GIỐNG VÀ CỘI CÂY.....795 709. ĐOẠN TRỪ VÀ TU TẬP..... 796 710. LÌA THAM DỤC VÀ vô MINH..... 796 711. KINH GIÁC CHI..... 797 QUYỂN 27..... 800 712. VƯƠNG TỬ VÔ ÚY ..... 800 713. PHÂN TÍCH GIÁO PHÁP..... 800 714. THẮP LỬA VÀ TẮT LỬA..... 802 715. BẢY GIÁC PHẦN VÀ THỨC ĂN..... 804 716. BẤT CHÁNH VÀ CHÂN CHÁNH..... 807 717. BẠN ÁC VÀ BẠN LÀNH..... 808 718. xẢ-LợI-PHẤT DẠY BẢY GIÁC CHI.....809 719. TÔN GIẢ ƯU-BA-MA..... 810 720. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT THUYẾT PHÁP..... 811

721. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG (1)..... 811 722. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG (2)..... 812 723. TÔN KÍNH TRƯỞNG LÃO..... 816 724. PHƯỚC BÁU PHỤNG sự..... 817 725. THIỆN VÀ BẤT THIỆN ..... 817 726. MỘT NỬA PHẠM HẠNH (1)..... 818 727. NGHE PHÁP...*.....819 728. BẢY GIÁC PHẦN..... 821 729. TU TẬP BẢY GIÁC PHẦN..... 821 730. QUÁ KHỨ, TƯƠNG LAI ĐỀU TU BẢY GIÁC PHẦN..... 821 731. GIÁC PHÀN..... 822 732. SANH KHỞI..... 822 733. BẢY ĐẠO PHẨM (1)..... 822 734. HAI QUẢ VỊ (1)..... 823 735. BỐN QUẢ VỊ(1)..... 824 736. BẢY QUẢ vi(l)..... 824 737. BẢY ĐẠO PHẨM (2)..... 825 738. HAI QUẢ VỊ (2)..... 826 739. BỐN QUẢ VỊ (2)..... 827 740. BẢY QUẢ VỊ

(2)..... 827 741. QUÁN BẤT TỊNH.....828 742. QUÁN TƯỞNG sự CHẾT.....828 743. BỐN TÂM RỘNG LỚN..... 829 744. TÂM TỪ VÀ BẢY GIÁC CHI..... 830 745. KHÔNG vô BIÊN xứ..... 830 746. NIỆM HƠI THỞ RA VÀO (1)..... 831 747. QUÁN TƯỞNG vô THƯỜNG.....831 QUYỂN 28..... 833 748. TƯỚNG MẶT TRỜI MỌC..... 833 749. TƯỚNG Vổ MINH VÀ MINH.....833 750. CỘI GỐC CỦA VÔ MINH VÀ MINH..... 834 751. CHÂN CHÁNH VÀ TÀ VẠY..... 835 752. TỲ-KHEO CA-MA.....836 753. A-LÊ-SẮT-TRA VÀ sự BẤT TỬ..... 836 754. BẢY PHÁP HỖ TRỢ CHÁNH ĐỊNH.....837 755-57. PHẬT HỎI CÁC TỲ-KHEO (i, 2, 3)..... 838

758. LO SỢ GIỮA MẸ VÀ CON..... 838 759. BA THỌ ....mm 840 760. BA ĐIỀU KHÔNG VUI.....840 761. HỮU HỌC VÀ VÔ HỌC..... 841 762. BẬC THÁNH LẬU TẬN..... 842 763. THÁNH ĐẠO TAM CHI..... 842 764. TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM CHI..... 842 765. TU THÁNH ĐẠO TAM CHI TRONG BA THỜI..... 843 766. THÁNH ĐẠO TÁM CHI THANH TỊNH..... 843 767. NĂM THỨ CHE ĐẬY VÀ THÁNH ĐẠO TÁM CHI..... 844 768. MỘT NỬA PHẠM HẠNH (2)..... 844 769. CỖ XE CHÁNH PHÁP..... 845 770. LÌA, ĐOẠN TÀ KIẾN..... 846 771. BỜ BÊN KIA (1)..... 846 772-74. BỜ BÊN KIA (2, 3, 4)..... 847 775. Tư DUY BẤT CHÁNH (1)..... 847 776. Tư DUY BẤT CHÁNH (2)..... 848 777. Tư DUY BẤT CHÁNH (3)..... 848 778. THIỆN, ÁC TRI THỨC (1)..... 849 779. THIỆN, ÁC TRI THỨC (2)..... 850 780. THIỆN, ÁC TRI THỨC (3)..... 850 781. CHÁNH, BẤT CHÁNH Tư DUY..... 851 782. PHI PHÁP VÀ PHÁP..... 852 783. ĐOẠN DỨT..... 852 784. TÀ VÀ CHÁNH.....853 785. GIẢNG RỘNG THÁNH

ĐẠO TÁM CHI..... 855 786. HƯỚNG TÀ..... 858 787. TÀ KIẾN, CHÁNH KIẾN (1)..... 858 788. TÀ KIẾN, CHÁNH KIẾN (2)..... 859 789. BÀ-LA-MÔN SANH VÀN..... 860 790. ĐƯỜNG CHÁNH VÀ NẺO TÀ (1)..... 861 791. ĐƯỜNG CHÁNH VÀ NẺO TÀ (2)..... 861 792. TỘI NGŨ NGHỊCH..... 862 793. THUẬN DÒNG, NGHỊCH DÒNG..... 862 794. SA-MÔN, PHÁP SA-MÔN..... 863 795. PHÁP SA-MÔN, MỤC ĐÍCHSA-MÔN (1)..... 863 796. PHÁP SA-MÔN, QUẢ SA-MÔN (1)..... 863

QUYỂN 29..... .]..... :..... 865 797. PHÁP SA-MÔN? QUẢ SA-MÔN (2)..... 865 798. PHÁP SA-MÔN, MỤC ĐÍCH SA-MÔN (2)..... 865 799. QUẢ SA-MÔN..... 866 800. BÀ-LA-MÔN..... 866 801. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (1)..... 866 802. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (2)..... 867 803. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (3)..... 867 804. ĐOẠN TRỪ GIÁC TƯỞNG..... 869 805. TỲ-KHEO A-LÊ-SẮT-TRA..... 870 806. TÔN GIẢ KẾ-TÂN-NA..... 871 807. HAI THÁNG TỌA THIỀN..... 872 808. TÔN GIẢ CA-MA..... 873 809. QUÁN BẤT TỊNH cực ĐOAN..... 873 810. MỘT PHÁP HỘI ĐỦ NHIỀU PHÁP..... 875 811. TY-KHEO KHÁC HỎI PHẬT (2)..... 878 812. PHẬT HỎI CÁC TỲ-KHEO (4)..... 878 813. TÔN GIẢ KIM-TỲ-LA.....878 814. NIỆM HƠI THỞ RA VÀO (2)..... 880 815. BỐ-TÁT.....881 816. BA HỌC PHÁP(l) ..... 883 817. BA HỌC PHÁP (2)..... 884 818. BA HỌC PHÁP (3)..... 885 819. GIỚI KINH..... 885 820. HỌC XỨ..... 885 821. TANG THƯỢNG TAM HỌC..... 886 822. NIẾT-BÀN (i)..... 888 823. NIẾT-BÀN (2)..... 889 824. HAI HỌC PHÁP..... 890 825. LỢI ÍCH CỦA HỌC GIỚI..... 891 826. PHƯỚC LỢI HỌC

GIỚI..... 891 827. ĐÚNG THỜI LAM RUỘNG..... 893 828. CON LỪA VÀ ĐÀN BÒ..... 894 829. TÔN GIẢ BẠT-KỲ TỬ.....894 QUYỂN 30..... 896 830. TÔN GIẢ CA-DIẾP THỊ..... 896 831. KHEN NGỢI NGƯỜI HỌC GIỚI..... 898

832. BA HỌC PHÁP (4)..... 898 833. LY-XA NAN-ĐÀ..... 899 834. KHÔNG NGHÈO KHỐN..... 900 835. VUA CHUYỂN LUÂN.....901 836. BỐN TÍN TÂM KIÊN cố..... 901 837. TIN NGƯỜI VÀ TIN TÀNG..... 902 838. BỐN LOẠI THỨC ÁN (1)..... 903 839. LỢI ÍCH TỨ BẤT HOẠI TỊNH..... 904 840. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (1)..... 904 841. PHƯỚC ĐỨC KHÔNG THỂ ĐO LƯỜNG..... 904 842. TÀ ĐẠO VÀ CHÁNH ĐẠO..... 905 843. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NHẬP Lưu ..... 906 844. THỌ KÝ TU-ĐÀ-HOÀN..... 907 845. Tự MÌNH XÁC QUYẾT..... 908 846. THẤY BIẾT NHƯ THẬT VỀ THÁNH ĐẠO.....909 847. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (1)..... :.....909 848. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (2)..... 910 849. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (3)..... 912 850. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (4)..... 912 851. GƯƠNG PHÁP (1)..... 913 852. GƯƠNG PHÁP (2)..... 913 853. GƯƠNG PHÁP (3)..... 914 854. THÔN NA-LE-CA..... 915 855. ƯU-BÀ-TẮC NAN-ĐỀ..... 916 856. Cư SĨ NAN-ĐỀ..... 917 857. NĂM PHÁP HOAN HỶ..... 918 858. SÁU NIỆM..... 918 859. HAI TRƯỞNG GIẢ (1)..... 919 860. HAI TRƯỞNG GIẢ (2)..... 920 QUYỂN 31..... 922 861. CÕI TRỜI ĐÂU-SUẤT-ĐÀ..... 922 862. CÕI TRỜI HÓA LẠC..... 922 863. CÕI TRỜI THA HÓA Tự TẠI.....923 864. AN TRÚ THIỀN THỨ NHẤT..... 923 865. GIẢI THOÁT

(1)..... 924 866. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN..... 924 867. AN TRÚ THIỀN THỨ HAI..... 925

868. GIẢI THOÁT (2)..... 926 869. AN TRÚ THIỀN THỨ BA..... 926 870. AN TRÚ THIỀN THỨ Tư..... 927 871. THẦN MÂY GIÓ..... 928 872. CHE ĐÈN..... 928 873. BỐN CHÚNG..... 929 874. BA HẠNG CON..... 930 875. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (1)..... 930 876. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (2)..... 931 877. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (3)..... 931 878. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (4)..... 932 879. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (5)..... 933 880. BỐN THIỀN VÀ KHÔNG BUÔNG LUNG..... 934 881. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (2)..... 934 882. NHỮNG ví DỤ VỀ KHÔNG BUÔNG LUNG..... 935 883. THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN CHÚNG..... 938 884. BA MINH CỦA BẬC vô HỌC (1)..... 941 885. BA MINH CỦA BẬC vô HỌC (2)..... 942 886. HAI LOẠI BA MINH .... 943 887. TÍN VÀ DANH Tự..... 944 888. TẢNG ÍCH VÀ DANH Tự..... 945 889. ĐẲNG KHỞI VÀ DANH Tự..... 945 890. PHÁP VÔ VI..... 946 891. VÍ DỤ GIỌT NƯỚC..... 946 892. TU TẬP SAU CÀN..... 947 893. HÀNH NHƯ HẠT GIỐNG..... 948 894. BIẾT Sự TẬP KHỞI THẾ GIAN..... 949 895. ĐOẠN THAM ÁI VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư..... 950 896. BA LOẠI HỮU LẬU..... 950 897. ĐOẠN TRỪ HỮU LẬU..... 951 898. DOAN TRỪ DỊJC 952 899. SANH KHỞI VA DIỆT TẬN..... 952 900. PHIỀN NÃO VÀ NHIỄM ồ..... 952 901. NƯƠNG TỰA SÁU CĂN..... 953 902. NHƯ LAI LÀ BẬC NHẤT..... 953 903. LÌA THAM DỤC..... 954 904. CHÚNG THANH VĂN 954

QUYỂN 32..... 955 905. NGOẠI ĐẠO CHẤT VẤN..... 955 906. CHÁNH PHÁP VÀ TƯỢNG PHÁP..... 957 907. MÚA HÁT ĐƯỢC SANH THIÊN?..... 959 908. CHIẾN Sĩ ĐƯỢC SANH THIÊN?..... 961 909. BA CÁCH LUYỆN NGỰA (1).....962 910. THÔN TRƯỞNG HUNG Ác..... 964 911. MA-NI-CHÂU-KỂ..... 965 912. THÔN TRƯỞNG VƯƠNG ĐẢNH..... 966 913. THÔN TRƯỞNG KIỆT-ĐÀM.....970 914. TÀI SẢN THUỘC CHÍN NHÀ.....973 915. BA LOẠI RUỘNG..... 975 916. TRIẾT LÝ CUA NI-KIỀN..... 978 917. BA LOẠI NGỰA Được ĐIỀU PHỤC..... 981 918. BA LOẠI NGỰA TỐT..... 983 QUYỂN 33..... 985 919. BA LOẠI NGỰA HAY.....985 920. BA LOẠI NGỰA QUÝ.. ..... 986 921. BỐN ĐỨC ..... 987 922. Tự ĐIỀU PHỤC VÀ BỊ ĐIỀU PHỤC.....987 923. BA CÁCH LUYỆN NGỰA (2).. ..... 989 924. TÁM LOẠI NGỰA CHỨNG..... 991 925. TÁM ĐỨC CỦA HIỀN sĩ..... 993 926. THIỀN VÀ THIỀN ƯƠNG NGẠNH..... 994 927. ĐỊNH NGHĨA ƯU-BÀ-TẮC..... 996 928. Cư SĨ VÀ A-NA-HÀM..... 997 929. MƯỜI SÁU PHÁP CỦA ƯU-BÀ-TẮC..... 998 930. CÂY NGÃ THEO HƯỚNG NGHIÊNG VỀ..... 1000 931. Tư TẬP SÁU NIỆM..... 1001 932. THÀNH Tựu MƯỜI MỘT PHÁP..... 1004 933. THÀNH Tựu MƯỜI HAI PHÁP..... 1005 934. CHÁNH ĐỊNH VÀ GIẢI THOÁT..... 1005 935. BỐN PHÁP CỦA BẬC Dự Lưu..... 1007 936. Cư SĨ BÁCH THỦ. ..... 1009 937. MÁU .. .. 1011 938. NƯỚC MẮT..... 1013 939. SỮA MẸ.....1014

l KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 34..... 1016 940. THẺ ĐẾM..... 1016 941. VÔ LƯỢNG MẸ CHA.....1016 942 AN VUI..... 1017 943. KHỔ ĐAU..... 1017 944. SỢ HÃI..... 1018 945. YÊU

MẾN..... 1018 946. CÁT SÔNG HẢNG..... 1019 947. NÚI XƯƠNG KHÔ..... 1020 948. KIẾP SỐ DÀI LÂU..... 1021 949. NÚI MÒN.....1021 950. KIẾP QUÁ KHỨ.....1022 951. BIẾT ĐÂU NGUỒN CỘI..... 1023 952. THÂN QUYẾN..... :..... 1024 953. BONG BÓNG NƯỚC..... 1024 954. TRẬN MƯA LỚN..... 1024 955. QUAY MÃI KHÔNG DÙNG..... 1025 956. VÔ THƯỜNG ĐẾN CẢ SƠN KHÊ..... 1026 957. THÂN VÀ MẠNG..... 1028 958. TÔN GIẢ MỤC-KIỀN-LIÊN ..... 1030 959. SĂN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN..... 1031 960. THẬT LÀ HIẾM có ..... 1033 961. THƯỜNG KIẾN VÀ ĐOẠN KIẾN..... 1034 962. BỀN VỮNG NHƯ LÕI CÂY..... 1035 963. KHÔNG BIẾT VÀ BIẾT.....1037 964. NGOẠI ĐẠO BÀ-THA XUẤT GIA..... 1038 965. TÔN GIẢ UẤT-ĐÊ-CA..... 1043 966. TÔN GIẢ PHÚ-LÂN-NI.....1044 967. NGOẠI ĐẠO CÂU-CA-NA..... 1046 968. CẤP CÔ ĐỘC THUYẾT PHÁP..... 1047 969. TRƯỜNG TRẢO XUẤT GIA.....1050 QUYỂN 35..... 1054 970. NGOẠI ĐẠO XÁ-LA-BỘ..... 1054 971. NGOẠI ĐẠO THƯỢNG TỌA..... ..... 1056 972. BA CHÂN LÝ..... _ 1057 973. NGOẠI ĐẠO CHIÊN-ĐÀ..... 1058

MỤC LỤC li

974. NGOẠI ĐẠO BỒ-LŨ-ĐÊ-CA (1)..... 1060 975. NGOẠI ĐẠO BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)..... 1061 976. NGOẠI ĐẠO THI-BÀ •..... .... 1063 977. THI-BÀ THEO PHẬT XUẤT GIA ..... 1064 978. NGOẠI ĐẠO THƯƠNG CHỦ.....1066 979. NGOẠI ĐẠO TU-BẠT-ĐÀ-LA ... ... 1068 980. NIỆM TAM BẢO.../..... .....]1070 981. NGỌN CỜ CỦA ĐỂ-THÍCH..... 1072 982. PHẬT DẠY XÁ-LỢl-PHẤT..... 1073 983. TÔN GIA A-NAN..... .... 1075 984. ÁI(1)..... 1076 985. ÁI (2)..... 1077 986. HAI ĐIỀU KHÓ TỪ Bỏ.....1079 987. BIẾT ĐỦ VÀ TỪ Bỏ..... 1080 988. ĐẾ-THÍCH (1)..... 1080 989. ĐẾ-THÍCH

(2)..... 1081 990. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ (1)..... 1082 991. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ (2)..... 1084 992. HAI LOẠI RUỘNG PHƯỚC..... 1086 QUYỂN 36..... 1087 993. TÁN THÁN THƯỢNG TỌA..... 1087 994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN THÁN PHẬT.....1089 995. A-LUYỆN-NHÃ.....1092 996. CHẾ NGỰ KIÊU MẠN..... 1093 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG.....1094 998. SÁU LOẠI PHƯỚC Bố THÍ..... 1094 999. TÍN TÂM Bố THÍ..... 1095 1000. CÁC LOẠI THIỆN TRI THỨC.....1097 1001. GIÀ BỆNH BỨC BÁCH..... 1098 1002. ĐOẠN TRỪ..... 1099 1003. NGỦ VÀ THỨC..... 1099 1004. HỮU Dư VÀ VÔ Dư..... 1100 1005. NƯƠNG VÀO NGHIỆP..... HOI 1006. YÊU CON MÌNH HƠN.....HOI 1007. SÁT-LỢI VÀ CHÁNH GIÁC..... 1102 1008. ĐIỀU GÌ LÀ BẬC NHẤT?..... 1103

lii KINH TẠPA-HÀM

1009. TÂM..... 1104 1010. DỤC TRÓI BUỘC..... 1104 1011. BỊ ĐÓNG KÍN..... 1105 1012. CHE ĐẬY VÀ TRÓI BUỘC..... 1105 1013. TÀI SẢN..... 1106 1014. TỲ-KHEO TRỤ NƠI NÀO?.....1107 1015. TRÌ GIỚI.....:..... 1108 1016. PHÁP GÌ SANH CHÚNG SANH..... 1108 1017. NGHIỆP LÀ NƠI NƯƠNG TỰA..... 1109 1018. ĐÁNG SỢ NHẤT..... 1109 1019. PHI ĐẠO..... 1110 1020. DANH..... 1111 1021. THI KỆ..... 1111 1022. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT..... 1112 QUYỂN 37..... 1113 1023. TÔN GIẢ PHẢ-CẦU-NA..... 1113 1024. TÔN GIẢ A-THẤP-BA-THỆ..... 1115 1025. TỲ-KHEO BỆNH..... 1117 1026. Tự CHỦ KHI TẬT BỆNH ..... 1119 1027. KHÉO Tư DUY..... 1120 1028. CHÁNH NIỆM KHI DƯỠNG

BỆNH .....1121 1029. QUÁN CHIÊU..... *..... 1123 1030. CẤP CÔ ĐỘC LÂM BỆNH..... 1124 1031. A-NAN THAM BỆNH..... 1125 1032. XÁ-LỢI-PHẤT THẢM BỆNH.....1126 1033. TRƯỞNG GIẢ ĐẠT-MA-ĐỀ-LY..... 1127 1034. ƯU-BÀ-TẮC TRƯỜNG THỌ..... 1128 1035. TRƯỞNG GIẢ BÀ-TẨU..... 1130 1036. SA-LA HỌ THÍCH..... 1130 1037. TRƯỞNG GIẢ GIA-THÂU..... 1131 1038. TRƯỞNG GIẢ MA-NA-ĐỀ-NA..... 1131 1039. TRƯỞNG GIẢ THUẦN-ĐÀ..... 1133 1040. PHÁP XẢ..... 1136 1041. PHẠM CHÍ SANH VĂN..... 1137 1042. TY-LA-MA (1)..... 1139 1043. TỲ-LA-MA (2)..... 1141

1044. TỲ-NỮU-ĐA-LA..... 1141 1045. PHÁP THÂN CẬN..... 1143 1046. BÒ TRƯỜN NHƯ RẮN..... 1143 1047. VIÊN MINH CHÂU..... 1144 1048. NGHIỆP ÁC VÀ NGHIỆP LÀNH ..... 1145 1049. KHỞI NGUYÊN CỦA NGHIỆP..... 1146 1050. CON ĐƯỜNG XUẤT LY..... 1147 1051. BỜ BÊN NÀY VÀ BỜ BÊN KIA..... 1147 1052. PHÁP ÁC VÀ PHÁP THIỆN..... 1148 1053. cực ÁC VÀ cực THIỆN..... 1148 1054. KE ÁC VÀ NGƯỜI HIỀN..... 1149 1055. KẺ cực ÁC VÀ NGƯỜI cực THIỆN..... 1149 1056. MƯỜI PHÁP..... :..... 1150 1057. HAI MƯƠI PHÁP..... 1151 1058. BA MƯƠI PHÁP..... 1151 1059. BỐN MƯƠI PHÁP..... 1152 1060. PHI PHÁP VÀ CHÁNH PHÁP..... 1152 1061. PHI LUẬT VÀ CHÁNH LUẬT..... 1153 QUYỂN 38..... 1154 1062. TÔN GIẢ THIỆN SANH..... 1154 1063. CHỚ XÉT ĐOÁN NGƯỜI KHÁC..... 1154 1064. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA..... 1156 1065. VỊ TỲ-KHEO TÊN THỦ..... 1157 1066. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ (1) ..... 1158 1067. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ (2).....1158 1068. TÔN GIẢ ĐÊ-SA..... 1159 1069. TÔN GIẢ

TỲ-XÁ-KHƯ..... 1160 1070. TỲ-KHEO TRẺ TUỔI..... 1161 1071. TÔN GIẢ THƯỢNG TỌA..... 1162 1072. TÔN GIẢ TÀNG-CA-LAM..... 1163 1073. HƯƠNG THUẬN GIÓ, NGHỊCH GIÓ.....1164 1074. UẤT-TỲ-LA CA-DIẾP.....1166 1075. ĐÀ-PHIÊU MA-LA TỬ (1)..... 1168 1076. ĐÀ-PHIÊU MA-LA TỬ (2)..... 1171 1077. ƯƠNG-CÙ-LỢI-MA-LA..... 1172 1078. THIÊN THẦN HỎI ĐẠO..... 1174

liv KINH TẠPA-HÀM

1079. GÒ MỐI..... 1176 1080. TÀM QUÝ..... 1179 QUYỂN 39..... 1180 1081. HẠT MẦM Hư THỐI.....1180 1082. ƯNG NHỌT..... 1181 1083. CÁCH VOI CHÚA ĂN.....1183 1084. ĐỜI NGƯỜI NGẮN NGỦI..... 1184 1085. CÁC HÀNH VÔ THƯỜNG..... 1185 1086. ÁC MA TRÓI BUỘC..... 1186 1087. GIẢI THOÁT SAO CÒN NGỦ?..... 1187 1088. KHÔNG DAO ĐỘNG.....1187 1089. TÂM RỖNG LẶNG..... 1188 1090. NGỦ AN ỔN...*..... 1189 1091. TÔN GIẢ CÙ-ĐÊ-CA.....1190 1092. MA NỮ.....1192 1093. THANH TỊNH VÀ KHÔNG THANH TỊNH..... 1195 1094. KHỔ HẠNH..... 1195 1095. KHẤT THỰC.....1196 1096. SỢI DÂY..... 1197 1097. THUYẾT PHÁP..... 1197 1098. LÀM VUA..... 1198 1099. PHÁP QUÁN BÌNH ĐẲNG..... 1199 1100. TỲ-KHEO THIỆN GIÁC..... 1201 HOI. TIẾNG RỐNG Sư TỬ..... 1202 1102. BÌNH BÁT..... 1203 1103. NHẬP XỨ..... 1203 QUYỂN 40..... 1205 1104. BẢY GIỚI CẤM CỦA ĐẾ-THÍCH..... 1205 1105. Cư Sĩ MA-HA-LỢI..... 1205 1106. THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN ..... 1206 1107. QUỶ THỌ DỤNG SÂN HẬN..... 1208 1108. KHÔNG SÂN

HẬN..... 1210 1109. KHÔNG TRANH ĐẤU..... 1211 1110. NHẪN NHỤC..... 1212 1111. KÍNH PHẬT..... 1214 1112. KÍNH PHÁP VÀ TĂNG..... 1215

1113. KÍNH TĂNG..... 1217 1114. HẠNH TINH TẤN..... 1218 1115. CUNG KÍNH TIÊN NHÂN..... 1220 1116. ĐOẠN TRỪ SÂN HẬN..... 1222 1117. NGAY TRAI GIỚI...*..... 1223 1118. TÂM CHÁNH TRỰC..... 1225 1119. Tư HẠNH NHẪN*..... 1226 1120. CÔNG NÀNG GIỮ GIỚI..... 1227 QUYỂN 41..... 1230 1121. LỢI ÍCH GIỮ GIỚI..... 1230 1122. PHÉP THĂM BỆNH..... 1232 1123. ĐIỀU HẠNH PHÚC NHẤT..... 1233 1124. PHƯỚC BÁO SANH THIÊN.....1234 1125. BỐN PHÁP Dự LƯU..... 1234 1126. BỐN PHÁP TU-ĐÀ-HOÀN..... 1235 1127. THÀNH Tựu BỐN PHÁP..... 1235 1128. BỐN QUẢ SA-MÔN (1)..... 1235 1129. BỐN QUẢ SA-MÔN (2)..... 1236 1130. NHỚ NƠI CHÚNG QUẢ..... 1236 1131. BỐN LOẠI THỨC ĂN (2)..... 1237 1132. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (2)..... 1237 1133. LÌA TÂM BỔN XẺN..... 1238 1134. TÍCH TỤ CÔNG ĐỨC..... 1238 1135. BỔN MƯƠI THIÊN TỬ..... 1239 1136. VÍ DỤ MẶT TRẢNG.....1240 1137. VÀO NHA THÍ CHỦ..... 1242 1138. KHÔNG TRANH TỤNG..... 1243 1139. KHÔNG CÓ NIỀM TIN..... 1245 1140. CA NGỢI THIỆN HẠNH..... 1247 1141. TÔN GIA MA-HA CA-DIẾP (1)..... 1249 1142. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (2)..... 1250 1143. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (3)..... 1251 1144. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (4)..... 1253 QUYỂN 42..... 1258 1145. CÚNG DƯỜNG CHỖ ĐÁNG CÚNG..... 1258 1146. BỐN HẠNG NGƯỜI..... 1260

1147. HIỂM HỌA NÚI ĐÁ.....1262 1148. QUÁN XÉT GIỚI HẠNH..... 1263 1149. BẢY VỊ VUA..... 1265 1150. ĂN UỐNG BIẾT CHÙNG Mực..... 1266 1151. THIẾU NIÊN A-TU-LA..... 1267 1152. THIẾU NIÊN TÂN-KỲ-CA..... 1268 1153. BUÔNG Bỏ THẮNG THUA .....1269 1154. TUNG BỤI NGƯỢC GIÓ..... 1270 1155. BÀ-LA-MÔN VI NGHĨA..... 1271 1156. BÀ-LA-MÔN BẤT HẠI..... 1271 1157. BÀ-LA-MÔN HỎA DỮ..... 1272 1158. VỢ CHỒNG BÀ-LA-MÔN..... 1274 1159. BÀ-LA-MÔN MA-CÙ..... 1276 1160 HAI LOẠI THANH TỊNH ..... 1277 1161. BÀ-LA-MÔN LA-HÁN..... 1278 1162. HAI VỢ CHỒNG GIÀ.....1279 1163. GIÀ, CHẾT VÀ BỐ THÍ..... 1280 QUYỂN 43..... 1281 1164. DO ÁI ĐAN DỆT..... 1281 1165. TÔN GIẢ TÂN-ĐÀU-LÔ..... 1283 1166. VÍ DỤ VỀ TAY CHÂN..... 1285 1167. VÍ DỤ CON RÙA..... 1285 1168. VÍ DỤ BÓ LÚA..... 1286 1169. VÍ DỤ CÂY ĐÀN..... 1288 1170. LUẬT NGHI..... 1289 1171. SÁU SINH VẬT.....1290 1172. VÍ DỤ GIỎ RẮN ĐỘC.....1291 1173. PHÁP KHỔ..... ..... 1293 1174. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG..... 1296 1175. CÂY KHẨN-THÚ..... 1298 1176. PHÁP HỮU LẬU, VÔ LẬU..... 1301 1177. SÔNG TRO ....mi] 1304

QUYỂN 44..... 1306 1178. CẢ NHÀ XUẤT GIA.....1306 1179. MẤT BÒ..... 1309 1180. NGƯỜI TRÍ..... 1311

1181. RUỘNG PHƯỚC THANH TỊNH..... 1312 1182. NGHỀ NÔNG..... :..... 1313 1183. TÁN THÁN THẾ TÔN.....1313 1184. TẮM BẰNG CHÁNH PHÁP ..... 1315 1185. NGHIỆP TỊNH DO MÌNH

TỊNH..... 1317 1186. BÀ-LA-MỔN BỆN TÓC (1)..... 1318 1187. BÀ-LA-MÔN BỆN TÓC (2)..... 1318 1188. XÚNG ĐÁNG Được CUNG KÍNH..... 1319 1189. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (3).....1320 1190. MINH, HẠNH ĐẦY ĐỦ..... 1321 1191. VUI CẢNH THANH VẮNG..... 1322 1192. CHƯ THIÊN TẬP HỢP..... 1323 1193. TỲ-KHEO CÙ-CA-LE (1)..... 1324 1194. ĐỘC GIÁC PHẠM THIÊN ..... 1325 1195. PHẠM THIÊN BÀ-CÚ.....1327 1196. TÀ KIẾN..... 1329 1197. NHẬP DIỆT..... 1330 QUYỂN 45..... 1332 1198. TỲ-KHEO-NIA-LẠP-TỲ..... 1332 1199. TỲ-KHEO-NI TÔ-MA.....1333 1200. TỲ-KHEO-NI CÁT-LY-XÁ CÙ-ĐÀM-DI..... 1334 1201. TỲ-KHEO-NI LIÊN HOA SẮC..... 1335 1202. TỲ-KHEO-NI THI-LA..... 1336 1203. TỲ-KHEO-NI TỲ-LA..... 1337 1204. TỲ-KHEO-NI TỲ-XÀ-DA..... 1338 1205. TỲ-KHEO-NI GIÁ-LA.....1339 1206. TỲ-KHEO-NIƯU-BA-GIÁ-LA..... 1340 1207. TỲ-KHEO THI-LỢI-SA-GIÁ-LA..... 1341 1208. TÔN GIẢ BÀ-KỲ-XÁ..... 1342 1209. KỆ TÁN THÁN A-NHÃ KIÊU-TRẦN-NHƯ..... 1343 1210. KỆ TÁN THÁN XÁ-LỢI-PHẤT..... 1344 1211. KỆ KHEN NGƠI NĂM TRĂM VỊ TỲ-KHEO.....1345 1212. LE Tự TỨ .. .. 1345 1213. TÔN GIẢ NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG (1)..... 1349 1214. XA LÌA TỊNH TƯỞNG.....1350 1215. BÀI KỆ XUẤT LY..... 1351

1216. CẢNH TỈNH KIÊU MẠN..... 1351 1217. TAM MINH..... 1352 1218. BỐN PHÁP CÚ.....1353 1219. KỆ TÁN THÁN MỘT NGÀN VỊ TỲ-KHEO..... 1354 1220. BẠC THẦY NHỔ TÊN.....1355 1221. TÔN GIẢ NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG (2)..... 1356 QUYỂN 46..... 1358 1222. LÒNG TỪ CỦA ĐẾ-THÍCH..... 1358 1223. NGƯỜI NGHÈO..... 1359 1224. ĐẠI HỘI CÚNG DƯỜNG

(1).....1360 1225. ĐẠI HỘI CÚNG DƯỜNG (2) .....1362 1226. BỐN VIỆC KHÔNG NÊN XEM THƯỜNG..... 1362 1227. VUA BA-TƯ-NẶC MẤT THÂN QUYỂN..... 1364 1228. Tự YÊU QUÝ MÌNH..... 1366 1229. Tự PHÒNG HỘ.....1367 1230. SỐ ÍT VÀ SỐ NHIỀU..... 1368 1231. TRANH NHAU vì THAM..... 1369 1232. HAI CÁCH sử DỤNG TÀI SẢN..... 1370 1233. BỐ THÍ RỒI HỐI TIẾC.....1372 1234. ĐẠI HỘI HIẾN TẾ..... 1374 1235. XIỀNG XÍCH KIÊN cố..... 1375 1236. CHIẾN THẮNG VÀ CHIẾN BẠI..... 1375 1237. TÂM KHÔNG OÁN HẬN..... 1376 1238. MỘT NỬA PHẠM HẠNH (3)..... 1377 1239. SỞ NGUYỆN VÀ KHÔNG BUÔNG LUNG..... 1378 1240. BA PHÁP KHÔNG Được YÊU MẾN..... 1380 QUYỂN 47..... 1382 1241. NHÂN TỐ SANH THIÊN..... 1382 1242. TÂM CUNG KÍNH..... 1384 1243. HAI PHÁP HỘ TRÌ THẾ GIAN..... 1384 1244. PHÁP ĐỐT CHÁY..... 1385 1245. BUÔNG Bỏ VIỆC Ác.....1386 1246. LUYỆN VÀNG.....1387 1247. Tư DUY BA TƯỚNG.....1389 1248. PHƯƠNG PHÁP CHAN BÒ ..... 1389 1249. MƯỜI MỘT PHÁP CHĂN BÒ.....1391

1250. TỲ-KHEO NA-ĐỀ-CA (1)..... 1393 1251. TỲ-KHEO NA-ĐỀ-CA (2)..... 1396 1252. DÙNG CÂY LÀM GỐI..... 1397 1253. CÔNG ĐỨC CỦA TÂM TỪ..... 1398 1254. LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ..... 1398 1255. QUỶ THẦN KHÔNG THÊ HẠI..... 1399 1256. ĐẤT TRÊN MÓNG TAY (2)..... 1399 1257. MẠNG NGƯỜI NGẮN NGỦI.....1400 1258. TRỐNG A-NÀNG-HA.....1401 1259. VIÊN BI SẮT..... 1402 1260. MÈO HOANG..... 1402 1261. CHÀY GỖ..... 1403 1262. CHỒN HOANG..... 1404 1263. PHÂN TIỂU..... 1404 1264. BIẾT

ƠN..... 1405 1265. BẠT-CA-LÊ Tự SÁT..... 1405 1266. TỶ-KHEO XIỂN-ĐÀ..... 1410

QUYỂN 48..... 1414 1267. VƯỢT QUA DÒNG THÁC..... 1414 1268. GIẢI THOÁT..... 1415 1269. AI QUA ĐƯỢC CÁC DÒNG..... 1415 1270. THIÊN NỮ CÂU-CA-NI..... 1416 1271. KINH PHÁP BỐN CÂU..... 1417 1272. THIÊN NỮ CÂU-CA-NA-SA.....1418 1273. HIỂU PHÁP..... 1419 1274. THIÊN Nữ CHÂU-LÔ-ĐÀ..... 1420 1275. SÂN HẬN VỚI NGƯỜI KHÔNG SÂN..... 1422 1276 AN LẠC..... 1423 1277. HIỀM TRÁCH.....1423 1278. TỲ-KHEO CÙ-CA-LÊ (2)..... 1424 1279. CỬA ĐỌA LẠC.....1427 1280. ÁI NHIÊM..... 1428 1281. NGĂN VỌNG TƯỞNG.....1429 1282. BỔ THÍ VÀ TRÌ GIỚI..... 1429 1283. TẠO DỤNG VÀ GIỮ GÌN TÀI SẢN..... 1430 1284. ĐƯỜNG LÊN THIÊN GIỚI..... 1431

lx KINH TẠPA-HÀM

1285. LÌA KHỔ Được VUI..... 1433 1286. LÀM SAO SẠCH CÁC LẬU?.....1433 1287. BẬC HIỀN..... 1434 1288. PHÂN BIỆT Bố THÍ..... 1435 1289. KHEN NGỢI..... 1436 1290. BẬC NHẤT..... 1437 1291. PHƯỚC KHÔNG BỊ CHÁY..... 1438 1292. LÒNG TIN LÀ Tư LƯƠNG.....1439 1293. BỐN PHÁP KHÓ ĐẠT NHẤT.....1439 QUYÊN 49..... 1441 1294. MONG CẦU LÀ KHỔ..... 1441 1295. XE KHỞI TỪ NGHIỆP.....1441 1296. THẾ GIAN LUÔN CẦU CON.....1442 1297. SỐ ĐẾM.....1443 1298. GIỚI ĐỨC NẶNG HƠN ĐẤT..... 1443 1299. MƯỜI NGHIỆP LÀNH.....1444 1300. THÂN MẠNG..... 1445 1301. THIÊN TỬ TRƯỜNG THẮNG.....1446 1302. THIÊN TỬ

THI-TỲ..... 1446 1303. THIÊN TỬ NGUYỆT Tự TẠI..... 1447 1304. THIÊN TỬTỲ-SẤU-NỮU..... 1448 1305. THIÊN TỬ BAN-XÀ-LA-KIỆN..... 1448 1306. THIÊN TỬ TU-THÂM..... 1449 1307. THIÊN TỬ XÍCH MÃ.....1450 1308. CÁC THIÊN THẦN NGOẠI ĐẠO..... 1452 1309. THIÊN TỬMA-GIÀ.....1454 1310. THIÊN TỬDI-KỲ-CA..... ..... 1454 1311. THIÊN TỬ ĐÀ-MA-NI..... 1455 1312. THIÊN TỬ ĐA-LA-KIỀN-ĐÀ.....1456 1313. THIÊN TỬ CA-MA (1).....1456 1314. THIÊN TỬ CA-MA (2).....1457 1315. THIÊN TỬ CHIÊN-ĐÀN (1)..... 1458 1316. THIÊN TỬ CHIÊN-ĐÀN (2)..... 1458 1317. THIÊN TỬ CA-DIẾP (1)..... 1459 1318. THIÊN TỬ CA-DIẾP (2)..... 1460 1319. DẠ-XOA KHUẤT-MA.....1460

1320. QUỶ THẦN MA-CƯU-LA..... 1461 1321. QUỶ TẤT-LĂNG-GIÀ.....1462 1322. QUỶ PHÚ-NA-BÀ-TẨU..... 1463 1323. QUỶ MA-NI-GIÁ-LA..... 1464 1324. QUỶ CHÂM MAO..... 1466 QUYỂN 50..... 1468 1325. BỊ QUỶ BẮT GIỮ..... 1468 1326. QUỶ A-LẠP..... 1469 1327. TỲ-KHEO-NI THÚC-CA-LA..... 1472 1328. TỲ-KHEO-NI TỲ-LA..... 1473 1329. HAI THIÊN THẦN..... 1473 1330. QUỶ ƯU-BA-GIÀ-TRA..... 1478 1331. NGÀY RẰM MÃN HẠ..... 1479 1332. CẢNH TỈNH MÊ NGỦ (1)..... 1480 1333. XẢ Bỏ BỤI TRẦN..... 1480 1334. Tư DUY BẤT CHÁNH.....1481 1335. GIỮA TRƯA..... 1482 1336. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT..... 1482 1337. SIÊNG NĂNG TỤNG ĐỌC..... 1483 1338. KẺ TRỘM HƯƠNG.....1484 1339. THỢ SAN..... 1485 1340. TÔN GIẢ KIM CƯƠNG TỬ..... 1486 1341. TRÌ GIỚI VÀ ĐA VAN..... 1486 1342. NA-CA ĐẠT-ĐA..... 1487 1343. CẢNH TỈNH BUÔNG

LUNG.....1487 1344. VƯỢT LÊN Dư LUẬN..... 1488 1345. TỲ-KHEO KIẾN-ĐA..... 1489 1346. CẢNH TỈNH MÊ NGỦ (2)..... 1490 1347. KẺ SAY.....1491 1348. DÃ CAN..... 1491 1349. NHỚ NGHĨ ĐEN PHẬT..... 1492 1350 HOA BA-TRA-LỢL..... 1492 1351. CHIM KHỔNG TƯỚC.....1493 1352. TỲ-KHEO XÂY DỤNG..... 1493 1353. CHÁY RỪNG..... 1494 1354. THEO DÒNG THÁNH ĐẠO.....1494

Ixii ộ KINH TẠPA-HÀM

1355. KẺ TRỘM DƯA..... 1494 1356. SA-DI NÓI KỆ.....1495 1357. BÁT SÀNH..... 1495 1358. Tư DUY CỦA NGƯỜI NGHÈO..... 1496 1359. MONG CẦU Y TỐT..... 1497 1360. VŨNG BÙN ..... 1497 1361. HÂN HOAN..... 1498 1362. TÍCH GÓP..... 1498

PHỤ LỤC l..... 1501 PHỤ LỤC 2..... 1509 PHỤ LỤC 3..... 1621 PHỤ LỤC 3..... 1639 SÁCH DẪN..... 1645

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PẢLI

A. Añguttara Nikãya (Kinh Tăng chi bộ)

AA. Añguttara Nikãya Atthakathã (Chủ giải Kỉnh Tăng chi bộ)

Áp. Apadâna (Thánh nhân kỷ sự)

ApA. Apadãna Atthakathã (Chú giải Thánh nhân kỷ sự)

Asi. Atthasãlinī (Chú giải Pháp tụ)

Bvs, Buddhavamsa (Phật sử)

BvsA. Buddhavamsa Atthakathã (Chú giải Phật sử)

CNid. Cũlaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)

CNidA. CũỊaniddesa Atthakathã

{Chu giai Tiêu nghĩa mien / Chu giai Tiêu diên giải)

Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)

CpA, Cariyāpitaka Atthakathã (Chủ giải Hạnh tạng)

Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)

Cvs. Cūlavamsa (Tiêu sử)

D. Dīghā Nikāya (Kỉnh Trường bộ)

DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Trường bộ)

Dh. Dhammapada (Kinh Pháp củ)

DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kinh Pháp cu)

Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)

Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)

Gãt. Gāthā (Therā và Therī): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ ít. ỉtivutíaka (Kinh Phật thuyết như vây)

ItA. Itỉvuttaka Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Phật thuyết như vây)

J. Jātaka (Chuyện Tiền thârỉ)

Kh. Khuddakapātha (Tiêu tụng)

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghí) 9

Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những diêm di biệt) M. Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bô) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā {Chủ giải Kỉnh Trung bộ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mi-tien vân đáp / Milinda vân đạo) MNid. Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA, Mahāniddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Mcyjhima Nikāya Tīkā (Phụ chú giải Kỉnh Trung bô) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích /Diễn giải) NidA. Niddesa Atthakathā (Chủ giải Nghĩa thích / Chủ giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chủ thích Kinh tạng / Tìm hiêu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga {Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chủ giải Phân tích đạo) P"g. Puggalapañňatti (Nhân thi thiết) PugA. Puggalapañňatti Atthakathā {Chủ giải Nhân thỉ thiết) Pv. Petavatthu (Ngợ quỷ sự / Chuyện ngợ quỷ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Ngợ quỷ sự / Chủ giải Chuyện nga quỷ) S. Samyutta Nỉkãya (Kinh Tương ưng bộ) SẢ. Samyutta Nikāya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Tương ưng bộ) Sn. Suttanipāta (Kỉnh tập) SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kỉnh tập) Sum. Sumañgalavilāsim (Chủ giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragãthã trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thīg. Therīgāthā (Trưởng lão Nỉ kệ)

ThĩgA. Therĩgãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Ni kệ)

Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Larỉ)

Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)

UdA. Udāna Atthakathā

(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)

Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimānavatthu (Thiên cung sự/ Chuyện thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
(Chú giải Thiên cung sự / Chủ giải Chuyện thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đối)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giảo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yêu Triêt học / Tóm tát và giải thích bộ Abhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chú giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bô)

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kỉnh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milỉnda {Milinda vân đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dị biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) 9

SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điên Phật giáo) SBE. The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCTYĐại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()
N. Nam truyền Đại tạng()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm kinh (,Ekottarikãgamd)
Tạp./SĀ. Tạp A-hàm (5 Samyuktāgama)
Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgama)
Trường./DÃ. Trường A-hàm kỉnh (,Dīrghāgamd)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hôn họp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT Ixvii

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) CBETA. Chinese Buddhist Electronic Text Association ( )(Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa) SAT. The SAT Daizokyo Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chỉ Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập TTDTTT. Trung tâm Dịch thuật Trí Tinh TTIDPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam

Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(VV...)

Ixviii KINH TẠPA-HÀM

f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kể tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./pp. (page/pages) trang / các trang (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn Ven. (Venerable) Thượng tọa vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN KINH TẠPA-HÀM

I. TỔNG QUAN KINH TẠPA-HÀM 1. Tựa đề kỉnh và số lượng kỉnh Kinh Tạp A-hàm S. Samyukta Āgamā, Samyuktāgama.123còn gọi là Tương imgA-ham ,Tương ưngA-cấp-ma hay Tương ưng Tu-đa-ỉa theo Đại sư Nghĩa Tinh ,635-713 và Đại sư Ấn Thuận 1906-2005,2 hoặc Tuyển tập các lời dạy về các nhóm chủ đề khác nhau Chủng chủng sự tương ưng giáo sở tập hay Các kỉnh phân theo nhiều nhóm chủ đề Tạp A-cấp-ma; Tạp loại A-cấp-mă theo Đại sư Huyền Trang ? 602-664 trong Du-già sư địa luân thích S. Yogācārabhūmi-śāstrakārikā, .3 Dựa vào cách thức tổ chức văn bản, bố cục và nội dung giáo pháp, có thể thấy rằng, bộ Kỉnh Tạp A-hàm của Phật giáo Bộ phái được

biên tập khá sớm so với các bộ kinh khác, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Trong tựa đề Sanskrit, "Samyukta Ấgama" được tạo thành bởi chữ "samyukta" có nghĩa là unối k"hay ucó liên he" connected và chữ "âgamcỉ" thường được phiên âm là "A-cấp-ma"có nghĩa là "tuyển tập Thánh giao"hay "tuyển tập các kinh" . Trong Hán ngữ, chữ "tạp" có nhiều nghĩa như hỗn tạp, hỗn hợp, trộn lộn, pha trộn, lộn xộn, không thuần, tạp nhạp, nhiều loại, lặt vặt, linh tinh, lẫn lộn. Trong ngữ cảnh của Kinh Tạp A-hàm. chữ "tạp" c6 nghĩa là "tương ưng" S. samyukta, p. samyutta., chỉ cho các nhóm kinh group of discourses có nội dung liên hệ connected discourses hoặc các nhóm kinh ngắn về nhiều chủ đề khác nhau , chủng chủng tương ưng. Do vậy, Kinh Tạp A-hàm có thể dịch trong tiếng Việt là Tuyển tập các chủ đề khác nhau hay Kinh có chủ đề liên hệ.

1 Tạp A-hàm của ấn bản CBETA\ https://tripitaka.cbeta.org/ T02n0099 truy cập ngày 01-12-2021. 3 Du-già sư địa luận thích S. Yogācārabhūmi-śāstrakārikā^ có nghĩa là ^Giải thích luận về cảnh giới của bậc thầy Du-gia>\ l quyển, có mã số bản văn trong Đại Chảnh tân tuĐại tạng kinh là T30nl580, l quyển do Tối Thắng Tử Jinaputrā,sWngyà Huyền Trang dịch ngày 08-3-650. Bản Việt do Hòa thượng Thích Tâm Châu dịch. CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/ T3Ônl580. —

Đứng từ góc độ văn học Phật giáo, "A-hSm"S Āgamā.trong Hán ngữ là tuyển tập hàng ngàn kinh của Phật giáo Bộ phái tương ứng với "P li Niky a" tức tuyển tập hơn 17.000 kinh Pâli của Thượng Tọa bộ. Các học giả cho rằng Kỉnh Tạp A-hàm là tuyển tập kinh A-hàm được biên tập sớm nhất trong bốn tuyển tập kinh A-hàm S. catvāri-āgama. tứ bộ A-hàm kinh,tứ A-cấp-ma,thuộc Kinh tạng Phật giáo Bộ phái, do đó, chứa đựng những lời dạy được xem là sớm nhất trong các bản văn Phật giáo. Vê sô lượng kinh trong Kinh Tạp A-hàm. do cách tính khác nhau vê các kinh trùng lắp tạo nên số lượng kinh khác nhau. Theo cách tính thông dụng trước giờ, Kinh Tạp A-hàm gồm 50 quyển và l.362 kinh theo các nhóm chủ đề khác nhau, phan lớn là các kinh rất ngan. Trong tác phẩm của mình Tạp A-hàm kinh luận hội biên ,4 gọi tắt là Hội biên ,Đại sư Ấn Thuận liệt ra Í3.412 kinh thuộc Kinh Tạp A-hàm, đang khi tác phẩm Quốc dịch nhất thiết kinh 5 của Nhật Bản nêu ra 13.443 kinh, được xem là cách tính số kinh nhiều nhát so với các ân bản Kinh Tạp A-hàm, Bản Hán ngữ của Kinh Tạp A-hàm trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên là bản dịch từ Sanskrit của cầu-na-bạt- đà-la S. Gunabhadra,394-468 vào năm 443. Quyển luận về tác phẩm này chính là Du-già sư địa luân chủ yếu là chương "Nhiếp sự phAn"do ngài Huyền Trang dịch từ Sanskrit sang Hán ngữ vào năm 648. Dựa vào nội dung của các bài kinh, Đại sư Ấn Thuận và nhóm biên tập bộ Quốc dịch nhất thiết kỉnh đã so sánh Kỉnh Tạp A-hàm với Kỉnh Tương ưng của văn học Pali, liệt dẫn ra tổng số bài kinh, điều chỉnh mục lục, thứ tự của các bài kinh đe đạt tính logic và hợp lý hơn. 2. Các bản dịch Kinh Tạp A-hàm và mã số bản văn trong Đại Chánh Có bốn bản dịch Hán ngữ của Kỉnh Tạp A-hàm. trong đó, ba bản dịch cổ đại diện cho ba tông phái Phật giáo gồm Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ S. Sarvāstivāda, ,Ẩm Quang bộ S.

Kāśyapīya,,bản còn lại không rõ tông phái và bản dịch Bạch thoại mang tính so sánh, giải thích.

4 Tác phẩm Tạp A-hàm kỉnh luận hôi 2của Đại sư Ẩn Thuận được NXB. Chánh Văn JE xuất bản lần đầu vào năm 1983, tái bản năm 1994. Độc giả có thể xem toàn văn của 5 Quốc dịch nhất thiết kỉnh là tùng thư về Kinh, Luật, Luận, gồm 255 quyển được tuyển chọn và phiên dịch ra Nhật ngữ, do NXB. Đại Eong in. Nội dung tuyển tập này gồm 2 phần: í Tuyển tập 155 bản văn được trước tác ở Ấn Độ, đã được dịch ra Hán ngữ và Nhật ngũ; xuất bản lần đầu vào năm 1936 và tái bản năm 1978, gôm các bộ A-hàm, bộ Bản duyên, bộ Bát-nhã, bộ Pháp Hoa, bộ Hoa Nghiêm, bộ Luận triêt; ii Tuyên tập 100 bản văn do Trung Quốc và Nhật Bản trước tác, chủ yếu là văn học chú giải về Tam tạng, sử truyện, xuất bản vào năm 1958.

i Kinh TạpA-hàm của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ: Ấn bản Sanskrit của Kỉnh Tạp A-hàm được ngài Pháp Hiển 337-422 từ Tích Lan mang về Trung Quốc vào thế kỷ v. Đây là bản Hán ngữ hoàn chỉnh nhất của Kinh Tạp A-ham do Tôn giả cầu-na-bạt-đà-la dịch vào năm 435-443 đời Lim Tống, tại chùa Ngõa Quan ,6 gồm có 1.362 kinh. Trong Đạz Chảnh tân tu Đại Kinh Tạp A-hàm thuộc A-ham bộ là bản văn thứ 100 trong tập 1. Mã số Kinh TạpA-hàm trong ấn bản CBETA tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa Chinese Buddhist Electronic Text Association^ là T02n0099, trong khi mã số tựa đề Đại Chánh của SAT là T0001_99.6*8910Trong ấn bản online của CBETA, mã số truy cập của quyển thứ nhất11 là T02n0099_001 và mã số truy cập của quyển 5012 là T02n0099_050. ii Biệt dịch Tạp A-ham kinh nghĩa là Bản dịch khác của Kỉnh Tạp A-hàm có lẽ thuộc Ẩm Quang bộ,13 gồm 16 quyển14 với 364 kinh được dịch vào khoảng năm 352-431 trong triều đại Tam Tân ,không rõ dịch giả, có mã số bản văn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh là T02n0100.15*

6 Tham chiếu thông tin chi tiết trong bài nghiên cứu sau đây: Enomoto, Fumio l986, "On the Formation of the Original Texts of the Chinese Agamas95, Buddhist Studies Review 3 1, 19-30. Đọc thêm các thông tin thú vị trong bài viết sau đây: Tripāthī, Chandra Ed. 1962. ^Funfundzwanzig Sutras Des Nidanasamyuktd>" in Sanskrittexte aus dèn Turfarifunden Vol. VIII, edited by Ernst Waldschmidt Berlin: Akademie-Verlag, 1962. I Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taishô Shỉnshu Daizokyo,do Takakusu Junjiro ,Cao Nam Thuận Thứ Lang và Watanabe Kaikyoku ,Độ Biên Hải Húc chủ biên, gồm 85 tập chữ Hán, lần đầu được NXB. Đại Đông xuất bản tại Tyovào năm 1924-34, nhanh chóng sau đó trở thành nguồn tài liệu góc của các nghiến cứu và trích dẫn về văn học Phật giáo Trung Quốc quan trọng nhất trèn thế giới. 8 CBETA được thành lập vào ngày 15-02-1998, do Thượng tọa Huệ Man làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham gia thực hiện có Viện Nghiên cứu Phật học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, Đại học Trung ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phật học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học viện Phật học Phước Nghiêm và Hoa Nghiêm liên xã. CBETA là kho tư liệu điện tử

bằng^chữ Hán của ấn bản Đại Chảnh đầy đu nhất từ trước đen nay. Đen ngày 18-02-2006, CBETÂ đã hoàn tát các tập 1-55 và 85 7.877 vạn chữ của Đại Chảnh. Đen năm 2007, CBETA hoàn tát Vạn Tân tục @7g 7.122 vạn chữ. Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php . 9 SÁT có nghĩa là "Co sở dữ liệu văn bản Đại tạng kiIlh,^ thường gọi là ấn bản SÁT, có trụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các tập 56-84 cua Đại Chánh tan tu Đại tạng kinh, cũng là to chức giữ tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập 1-55 và 85 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kmh. 10 Kinh TạpA-hàm của ấn bản SÁT: https://21dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php truy cập ngày 01-12-2021. II Kỉnh Tạp A-hàm quyển 1: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_001 truy cập ngày 01-12-2021. 12 Kinh Tạp A-hàm quyển 50: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_050 truy cập ngày 01-12-2021. 13 về nguồn gốc, theo ngài Ấn Thuận trong Nguyên thủy Phật giáo Thảnh điển chi tập thành ,bộ kinh này có vấn đề về bộ phái.
Một vài thư tịch cổ cho ràng Biệt dịch Tạp A-ham kinh thuộc Ẩm Quang bộ, hoặc ức đoán là Hóa Địa bộ, hoặc Pháp Tạng b 14 Theo Lịch đại
Tam bảo kỷ quyển 14; Chúng kỉnh mục lục s M, quyển 3; Khai Nguyên
Thích giảo ,quyên 13, Biệt dịch Tạp A-ham có 20 quyển:
..lí 15 Kinh TạpA-hàm bản dịch khác ,Biệt dịch
TạpA-hàm kỉnh của ấn bản CBETA tại địa

CÓ ấn bản khác của bản dịch Kinh Tạp A-hàm tại Trung Quốc, gồm 20 quyển ()dịch vào năm 431 được bố cục logic hơn.16 Thực chất, đây là bản dịch ngắn hay bản dịch không hoàn chỉnh về Kinh Tạp A-hàm của Ẩm Quang bộ, nói đúng hơn chỉ còn một phần.17 (iii) Bản dịch Kỉnh Tạp A-hàm^ l quyển. Bản dịch chữ Hán không hoàn chỉnh của Kinh Tạp A-hàm chỉ có l quyển, được dịch vào năm 222-280 (triều đại nhà Ngô,),không rõ người dịch, không rõ bộ phái Phật giáo nào sử dụng, có mã số bản văn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh là T02n0101.18210 niên *2về đại, đây là bản dịch sớm nhát của Kinh Tạp A-hàm băng Hán ngữ, rát tiêc phân lớn các chương của bản dịch này đã bi thất lạc. (iv) Bản Tạp A-hàm kinh hiệu thích (The Collation and Annotation of Samyuktāgamd) bằng tiếng Bạch thoại do Vương Kiến Vĩ (,1958-) và Kim Huy (1971-)19 dịch trong 10 năm, gồm 8 tập, được NXB. Trường Đại học Sư phạm Hoa Đông in lần đầu vào ngày 01-7-2014. Bản dịch này được trao 3 giải thưởng danh giá gôm Giải thưởng Sách cô Xuât săc Quốc gia (National Excellent Ancient BookAward)^ Giải thưởng Sách cổ Xuất sắc Hoa Đông (Excellent Ancient Book Award in East China) năm 2014 và đoạt Giải nhất của Giải thưởng Sách Thượng Hải lần thứ 14 (14th Shanghai Book Ay^ard)ĩx Bản dịch và chú thích mới này có 4 phần, 7 chương, 56 nhóm chủ đề (samyukta) và 8.491 kinh, với 3.720 trang. Đóng góp chính của bản dịch Bạch thoại này là cung cap các thông tin đôi chiêu giữa Kinh Tạp A-hàm và các kinh thuộc Thượng Tọa bộ cũng như A-tỳ-đạt-ma (Abhỉdhammă) bằng Pali và Hán ngữ, đong thời phân loại và khôi phục các bản văn có liên hệ, bổ sung một số kinh bị thất lạc. 3. Ba bản dịch tiếng Việt Kỉnh Tạp A-hàm có 3 bản dịch tiếng Việt hiện đang lưu hành dưới dạng sách in và online. Mặc dù rất muốn

in tất cả 3 bản dịch trong ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam nham tôn vinh đóng góp của các dịch giả Việt

1 Xem các nghiên cứu chi tiết về ấn bản 16 quyển và ấn bản 20 quyển qua 2 bài viết sau đây: (i) Bucknell, Roderick, iirīhe Two Versions of the Other Translation of syukiāgama" in Chung-Hwa Buddhist Journal. 21: 23-54; (ii) Bingenheimer, Marcus (10-11-2006), t4The Shorter Chinese s^nyukta Āgamā: Prelừninary Findings and Translation of FasciclS", Buddhist Studies Review 23 (1): 21-6Ỏ. :về vấn đề này, đọc thêm Từ điển Phật giảo (Ả Dictionary ofBuddhism) của Damien Keown (London: Oxford University Press, 2004). 18 Kinh TạpA-hàm không rõ dịch giả của ấn bản CBETA '. https://tripitaka.cbeta.org/T02n0101 (truy cập ngày 01-12-2021). ^Vuong Kiến Vĩ (Wang Jianwei) và Kim Huy (Jin Húi) tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm Hoa Đông (,East China Normal University) va học Phật học tại Đại học Kelaniya, Tích Lan.
20 “..;•32014 Sinobook (truy cập
ngay 21-6-2016).

Nam, nhưng do những hạn chế về tác quyền, Ban Biên tập chỉ có thể sử dụng bản dịch i và iii: J i Kinh Tạp A-hàrrP do Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch trước năm 1975, Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập và xuất bản năm 1994-95. ii Kinh Tạp A-hàm13 do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích năm 2002, NXB. Phương Đông xuất bản lần đầu năm 2010, tái bản năm 2015.22 2425 23 iii Kỉnh Tạp A-hàm do Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phiên dịch, từ tháng 12-2018 đến tháng 5-2021.

4. Bộ phái truyền thừa Kinh TạpA-hàm Bon bộ kinh A-hàm Āgamā là Kinh tạng căn bản, quan trọng và cũng là tụng bản của Phật giáo Bộ phái nPviết bằng Sanskrit vào khoảng thế kỷ 1,25 được các cao Tăng Ấn Độ gồm Phật-đà- da-xá S. Buddhayaśas,Cù-đàm Tăng-già-đề-bà S. Gautama Samghadeva,cầu-na-bạt-đà-la S. Gunabhadra, với sự cộng tác của các Sa-môn Trung Quốc gồm Trúc Phật Niệm M, Thích Đạo Hàm ,Thích Bao Vân W,Thích Tuẹ Tung Thích Tuệ Quán dịch ra Hán ngữ. Ngoài các bộ kinh A-hàm được dịch toàn bộ, có nhiều kinh lẻ thuộc hệ thống A-hàm cũng được tuyên dịch. Hiện vân còn vài bản chép tay trong tiêng Sanskrit của một sô bài kinh A-hàm được bảo tồn trong Đại tạng kỉnh Tây Tạng , đặc biệt trong bộ Kangyur ,Cam-châu-nhĩ, bộ chứa đựng lời Phật dạy về Kinh tạng và Luật tạng . về truyền thừa bộ phái, mỗi bộ trong bốn bộ kinh A-hàm được sử dụng làm tụng bản của các bộ phái Phật giáo khác nhau. Kinh Trường A-hàm

22 Đây là bản dịch Kinh Tạp A-hàm đầu tiên và được in sớm nhất, đồng thời cũng là bản dịch được các nhóm dịch giả sau này tham khảo để các bản dịch hoàn chỉnh hơn.
23 Ấn bản online của Kỉnh Tạp A-hàm do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch và Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ viết lời giới thiệu và chú thích: https://thuvienhoasen.org/al

1294/kinh-tap-a-ham truy cập ngay 01-8-2022, https:/Åvww.daitangkinhvietnam.org/node/8728 hoặc ấn bản PDF tại địa chỉ https://thuvienhoasen.org/images/file/yEYerJ l GOQgQAEIR/kinh-tap-a-ham-thich-duc-thang-dich.pdf. 24 Bản dịch này dựa theo cấu trúc của Tạp A-hàm kinh luận hội biên của Đại sư Ấn Thuận, nhưng điều khác biết là co 8 tụng chương, 47 tương ưng nhóm kinh, 1.360 kinh, trong khi bản của ngai Án Thuận có 7 tụng chừấrìg, 51 tương ưng nhóm kinh, 13.412 kinh. 25 Theo khảo cứu, khoảng cuối thế kỷ II, các bản kinh A-hàm chép tay theo trí nhớ đã du nhập vào Trung Quốc. Chi Khiêm là môt trong những người đầu tiên dịch A-hàm. Mặt khác, băng chứng xác thực nhất mới được khám phá gần đây là 29 ban kinh cổ viết tay trên vỏ cây bạch dương Betula Platyphylỉă, có niên đại vào thế ky I, trong số đó có Kinh phúng tụng thuộcA-ham. Ngài Dalai Lama gửi lời chúc mừng về phát hiện nay và được in đầu tiên trong tác phẩm: Richard Salomon, Ancient Buddhist Scrollsfrom Gandhāra: The British Library Kharosthī Fragments Seattle: University of Washington Press, 1999, pp. 15, 89, 186.

Dīrgha Āgamā.Tuyển tập kinh dài là tụng bản của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka,c6 nội dung tương đương với Kỉnh Trường bộ Dīghā Nikāya.26 của Thượng Tọa bộ. Kinh Trung A-hàm là tụng bản của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,_mong đương Kỉnh Trung bộ {Mcyjhima Nikāya,Tuyển tập kỉnh trung bình^ Kinh Tăng nhất A-hàm Ekottarika Āgamā,thuộc Đại Chúng bộ Mahāsāinghika,tương đương với Kinh Tăng chi bộ Añguttara Nỉkãya,Tuyển tập kỉnh các con số tăng dần. Kinh Tạp A-hàm Samyuktãgama Sũtra.là tụng bản của Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda, tương đương Kinh Tương ưng bộ Samyutta ,28 đang khi Biệt dịch Kinh Tạp A-hàm thuộc Ẩm Quang bộ tương đương với "Thiên có ke” trong Kinh Tương ưng bộ. Sau đây là thông tin mô tả vê truyền thừa bộ phái Phật giáo đối với bốn bộ kinh A-hàm. 1 Kinh Trường A-hàm S. Dĩrgha Āgamā,Tuyển tập kỉnh dài^9 22 quyển, TOlnOOOl, thuộc Pháp Tạng bộ. Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ vào năm 413 đời Hậu Tần,,Thích Đạo Hàm ghi chép26 29 28 27 tại Trường An . 3031 2 Kinh Trung A-hàm S. Madhyama Āgamā,Tuyển tập kỉnh trung bbĩh* 60 quyển, T01n00269 thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Tăng- già-la-xoa S. Samgharaksa,đọc bản Sanskrit, Cù-đàm Tăng-già- đề-bà dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ, Thích Đạo Từ ghi chép từ ngày 12-12-397 đến ngày 24-7-398 đời Đông Tấn,.Theo quyển Xuất Tam tạng ky tập ,còn có bản dịch Kỉnh Trung A-hàm. 59 quyển đã thất lạc, do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề S. Dharmānandī,,Pháp Hỷ, đọc bản Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An.

26 Kinh Trường bộ tức Tuyển tập 34 kinh dài ffiīgha Nikāya,Trường bô kinh điển, D. 1-34 được Hội Thánh điên Pali dịch Anh ngữ và xuất bản vào năm 1889. Xem

thông tin chi tiết về Kinh Trường ỏớ trong Thích Nhật Từ, Sô tay mục lục Tam tạng Pali Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, ư. 13-4; xem Dẫn luận Kỉnh Trường bộ, ứ. 149-60. 27 Xem thongtin chi tiết về Kỉnh Trung bộ trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tạng PãỊi Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 14-5, Dan luận về Kinh Trung bộ, tr. 160-202. 28 Xem thông tin chi tiết về Kinh Tương ưng bô trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tạng PãỊi Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 15-9. 29 Toàn văn Kinh Trường A-hàm theo ấn bản internet CBETA\ http://tripitaka.cbeta.org/TO lnOOO l truy cập ngày 01-8-2022. Xem thông tin chi tiết trong AwJi Tam tạng kỷ tập .Nguyên văn như sau:" if# WiXB, mlĩ? q..iwi. , 31 Toàn văn Kinh Trung A-hàm theo ấn bản CBETA '. http://tripitaka.cbeta.org/TO l n0026 truy cập ngày 01-8-2022.

3 Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sūtra,Tuyển tập kinh 50 quyển, T02n0099, thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết theo nhóm chủ đềỵ3233 37 36 35 34 Hữu bộ. cầu-na-bạt-đà-la đọc bản Sanskrit, Thích Bảo Vân dịch Hán ngữ vào năm 435-443 đời Lưu Tống,,Thích Tuệ Quán ghi chép tại chùa Ngõa Quan, Nam Kinh . Biệt dịch Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sūtra,,8 dịch khác về tuyển tập kinh theo nhóm chủ ,33 20 quyển, T02n0100, thuộc Ẩm Quang bộ, được dịch vào năm 352-431 đời Tam Tần,,không rõ dịch giả. 4 Kinh Tăng nhất A-hàm S. Ekottarika Āgamā,Tuyển tập kinh qua các con sổ. 51 quyển T02n0125, thuộc Đại Chúng bộ hoặc Thuyết Xuất Thế bộ Lokottaravāda, .Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào năm 398 đời Đông Tấn,tại Lô Sơn .Theo Lịch đại Tam bảo ky ,35 còn có bản dịch Kinh Trung A-hàm. 41 quyển, do Sa-môn Đàm-ma-nan-đê đọc bản Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An . Bài tựa tổng quát trong Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa 36 đề cập đến đối tượng thính chúng của bốn bộ kinh A-hàm như sau: "Thuyết pháp tùy nghi cho con người và trời, Tăng nhất A-hàm có nội dung khuyến hóa người nghe; Trung A-hàm trình bày triết lý sâu xa cho các người thông thái và các học giả; Kinh Tạp A-hàm giới thiệu các pháp tu thiền, dành cho người tu thiền và Kinh Trường A-hàm đối thoại tôn giáo, bẻ gãy các học thuyết tôn giáo khSc."37 Trên thực tế? nội dung của từng bộ trong bốn bộ kinh A-hàm đa dạng và phong phú hơn, một mặt giới thiệu triết học Phật giáo, mặt khác mang tính đối thoại liên tôn giáo, liên triết học về các vấn đề, vấn nạn mà con người quan tâm và cần giải pháp giải quyết nỗi khổ niềm đau.

32 Toàn văn Kinh Tạp A-hàm theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0099 truy cập ngày 01-8-2022. 33 Toàn văn Kinh Tạp A-hàm biệt dịch theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0100 truy cập ngày 01-8-2022. 34 Toàn văn Kỉnh Tăng nhất A-hàm theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0125 truy cập ngày 01-8-2022. 35 Gồm 15 quyển, T49n2034, do Phí Trường Phòng soạn vào năm 597. Xem toàn văn ấn bản 36 Tái-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa T.23^1440. 0503cl8.
37 Đoạn nguyên tác trong Tắt-bà-đa Tỳ-nỉ Tỳ-bà-sa: ỊỆ

:.,'

II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG KINH TẠPA-HÀM 1. Bố cục của Kinh Tạp A-hàm Kinh Tạp A-hàm có nhiều nội dung tương đương với Kình Tương ưng bộ {Samyutta Nỉkãya.38*của Phật giáo Nam truyền, về cấu trúc, Kỉnh Tương ưng bộ chia làm 5 thiên yagga,phẩm, thiên với 56 nhóm kinh {samyutta,,tương ưng chủ đề như sau: i Thiên có kệ Sagãthãvagga, ,Hữu kệ phẩm gồm 11 nhóm kinh có liên hệ ;ii Thiên nhân duyên Nidānavagga,,Nhân duyên phẩm có 10 nhóm kinh ; iii Thiên uẩn Khandhavagga.uẩn phẩm có 13 nhóm kinh iv Thiên sáu xứ Salāyatanavagga,Lục xứ phẩm có 10 nhóm kinh ;v Thiên đại {Mahāvagga,Đại phẩm có 12 nhóm kinh . Kỉnh Tạp A-hàm có các ân bản khác nhau với cách bô cục và sô thứ tự kinh khác nhau: i Ấn bản in trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh viết tắt là “Dại”ii Ấn bản Phật Quang tạng thường viết tắt là "Quang” iii An bản của NXB. Giáo dục Nọi quán 1^viết tắt là "Nọi bản . Trong bốn bộ kinh A-hàm S. Āgamā.hay kinh A-cấp-ma ,Kỉnh Tạp A-hàm được xem là kinh chứa đựng các lời dạy căn bản của đức Phật, bao gồm năm tổ hợp ,mười hai xứ ,mười tám giới ,duyên khởi ,chân lý ,bốn nền tảng chánh niệm ,các loại thức ăn A. y r • • • • r V.V.. Vê câu trúc hoàn chỉnh, Kỉnh Tạp A-hàm trong giai đoạn thứ nhát 'MA ỈA t Ầ . . thuộc bản góc gôm có 4 phân chính: 1 Phần các nhóm kinh về uẩn ,xứ :i Nhóm kinh về năm tổ hợp ,ii Nhóm kinh về sáu xứ /,iii Nhóm kinh về nhân duyên ,iv Nhóm kinh về thức ăn ,v Nhóm kinh về chân lý và vi Nhóm kinh về giới . 2 Phần các kinh do Thánh Tăng và đức Phật nói vii Nhóm kinh do các Thánh Tăng A-la-hán nói nổi bật gồm Tôn giả Xá-lợi-phất Tôn giả Mục-kiền-liên và viii Nhóm kinh do đức Phật nói . 3 Phần đạo phẩm chứa ix Nhóm kinh an trú chánh niệm

38 Bản dịch tiếng Anh của c. A F. Rhys Davids & F. L. Woodward về Kỉnh Tương ưng là 44Sách về những lời dạy có liên hệ mật thief, Jhe Book ofKindred Sayings hay "Các bài kinh phân theo nh6m" The Grouped Discourses hay The Grouped Suttas, do NXB. Hội Thánh điển Pali Pali Text Society in tại Bristol vào năm 1917-30. Bản dịch tiêng Anh của Bhikkhu Bodhi có tựa đề là "Các bài kinh có liên hệ của đức Phát" The Connected Discourses of the Buddha do NXB. Wisdom Publications in tại Somerville, Massachusetts vào năm 2000. Bhikkhu Sujāto dịch có tựa đê 'Tuyên tập các kinh liên he" LinkedDiscourses Collection xuất bản trên trang SuttaCentral vào năm 2018: https://suttacentral.net/ sn?view=normal.

4 Phần kết tập chứa x Nhóm kinh về tám cộng đồng nổi bật nhất là Tỳ-kheo ,Ma ,Đấ-thích ,vua chúa ,v.v... Theo Đại sư Ấn Thuận trong tác phẩm Tuyển tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy xuất bản năm

1971, trong giai đoạn thứ hai, Kỉnh Tạp A-hàm được biên tập hoàn chỉnh, chia làm 7 phần như sau: 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp . 2 Nhóm kinh về sáu xứ . 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,chân lý ,giới và cảm giác . 4 Nhóm kinh về đạo phẩm gồm nền tảng chánh niệm , hơi thở ,học niềm tin thanh tinh, không bị hủy hoại . 5 Nhóm kinh về tám cộng đồng gồm Tỳ-kheo ,Tỳ-kheo-ni ,Ma ,Đế-thích ,chư thiên ,vua chúa ,Bà-la- m6n ,dạ-xoa . 6 Nhóm kinh do Thánh Tăng A-la-hán nói gồm Tôn giả Xá-lợi-phất ,Tôn giả Mục-kiền-liên . 7 Nhóm kinh do đức Phật nói . Kỉnh Tạp A-hàm trong Đại tạng kinh Tây Tạng chia làm 10 phần như sau: 1 Năm tổ hợp 2 Sáu xứ 3 Nhân duyên 4 Thức n 5 Chân lý Giới và cảm giác ; 7 Thánh Tăng A-la-hán giảng 8 Đức Phật giảng ;9 Đạo phẩm gồm niệm trú hay bốn niệm xứ, chánh đoạn hay bốn chánh cần, thần túc hay bốn như ý túc, căn tức năm căn lành, lực tức năm lực, giác chi tức bảy yếu tố giác ngộ, yếu tố đạo tức Thánh đạo tám ngành, hơi thở ra vào học tức ba học, đạt niềm tin thanh tịnh 10 Tám cộng đồng . về thể tài văn học, Kinh Tạp A-hàm với 50 quyển và 1.362 bài kinh, được chia thành 3 phần chính: i Phần Kinh văn xuôi S. Sutra,giải thích về năm tổ hợp ,sáu xứ duyên khởi ,thức n chân lý giới an trú chánh niệm ,v.v... ii Phần Kệ tụng S. Geya. Geyya. p. Gāthā.còn được phiên âm là Kỳ-dạ /,chứa đựng các thi kệ dưới dạng vấn đáp. iii Phần Ký thuyết S. Vyākararta. p. Veyyākararia.hay Ký biệt 1j, Phân biệt chứa đựng các bài kinh do các Thánh Tăng A-la-hán hoặc đức Phật thuyết giảng.

Ixxviii KINH TẠPA-HÀM

Dưới đây là cấu trúc của Kỉnh Tạp A-hàm căn cứ theo Đại sư Ấn Thuận trong quyển Tạp A-hàm kinh luận hội biên gồm 7 chương tụng, 51 nhóm kinh tương ưng, 13.412 kinh như sau: Chương 1: Nhóm kỉnh về năm tổ hợp ,Ngũ ấm tụng đệ nhất. 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương img: 178 kinh. Chương 2: Nhóm kinh về sáu xứ ,Lục nhập xứ tụng đệ nhị. 2 Nhóm kinh về sáu giác quan: 285 kinh. Chương 3: Nhóm kỉnh về nhân duyên Tạp nhân tụng đệ tam. 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng: 78 kinh. 4 Nhóm kinh về chân lý Đe tương ưng: 150 kinh. 5 Nhóm kinh về giới Giới tương ưng: 37 kinh. 6 Nhóm kinh về cảm giác ,Thọ tương ưng: 31 kinh. Chương 4: Nhóm kinh về con đường ,Đạo phẩm tụng đệ tứ. 7 Nhóm kinh về [bốn] nền tảng chánh niệm ,Niệm xứ tương ưng: 54 kinh. 8 Nhóm kinh về [bốn] chánh tinh tấn? Chánh đoạn tương ưng: Bi thất lạc ,dật. 9 Nhóm kinh về [bốn] như ý túc Như ý túc tương ưng: Bi thất lạc dật. 10 Nhóm kinh về [năm] căn lành Căn tương ưng: 27 kinh. 11 Nhóm kinh về [năm] sức mạnh Lực tương img: 60 kinh. 12 Nhóm kinh về [bảy] yếu tố giác ngộ ,Giác chi tương ưng: 67 ủnlì. 13 Nhóm kinh về [tám] Thánh đạo ,Thánh đạo phần tương ưng: 114 kinh. 14 Nhóm kinh về hơi thở chánh niệm An-na-bát-na niệm tương ưng: 22 kinh. 15 Nhóm kinh về [tam]

học Học tương ưng: 32 kinh. 16 Nhóm kinh về niềm tin trong sạch không thể hủy hoại , Bất hoại tịnh tương ưng: 29 kinh. Chương 5: Nhóm kinh về tám hội chúng Bát chúng tụng đệ ngũ. 17 Nhóm kinh về Tỳ-kheo Tỳ-kheo tương ưng: 22 kinh.

18 Nhóm kinh về ma Ma tương ưng: 20 kinh. 19 Nhóm kinh về trời Đế-thích ,Đế-thích tương ung: 22 kinh. 20 Nhóm kinh về vua chúa Sát-lợi tương ưng: 21 kinh. 21 Nhóm kinh về Bà-la-môn ,Bà-la-môn tương ưng: 38 kinh. 22 Nhóm kinh về Phạm thiên ,Phạm thiên tương ưng: l o kinh. 23 Nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni ,Tỳ-kheo-ni tương ưng: l o kinh. 24 Nhóm kinh về Bà-kỳ-xá ,Bà-kỳ-xá tương ưng: 16 kinh. 25 Nhóm kinh về các trời Chư thiên tương ưng: 108 kinh. 26 Nhóm kinh về dạ-xoa Dạ-xoa tương ưng: 12 kinh. 27 Nhóm kinh về rừng Lâm tương ưng: 32 kinh. Chương 6: Nhóm kỉnh về lời dạy của các bậc Thánh Tăng MA, Đệ tử sở thuyết tụng đệ lục. 28 Nhóm kinh về Xá-lợi-phất ,Xá-lợi-phất tương ưng: 81 kinh. 29 Nhóm kinh về Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng: 53 kinh. 30 Nhóm kinh về A-na-luật ,A-na-luật tương img: 11 kinh. 31 Nhóm kinh về Đại Ca-chiên-diên Đại Ca-chiên-diên tương ưng: 10 kinh. 32 Nhóm kinh về A-nan A-nan tương ưng: 11 kinh. 33 Nhóm kinh về Chất-đa-la ,chất-đa-la tương ưng: 10 kinh. Chương 7: Nhóm kỉnh về lời dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng đệ thất. 34 Nhóm kinh về La-đà 9 La-đà tương ưng: 133 kinh. 35 Nhóm kinh về cái thấy Kiến tương img: 93 kinh. 36 Nhóm kinh về đoạn tri ,Đoạn tri tương ưng: 10.996 kinh.39 37 Nhóm kinh về trời Thiên tương ưng: 48 kinh. 38 Nhóm kinh về tu chứng Tu chứng tương ưng: 70 kinh. 39 Nhóm kinh về nhập, giới, ấm Nhập, giới, ấm tương ưng: 182 kinh. 40 Nhóm kinh về niềm tin thanh tịnh không bi hủy hoại ,Bất hoại tịnh tương img: 62 kinh.

39 Sở dĩ bản 6íHội biên" có con số như vậy, vì nhóm "Đoạn tri tương ưng"này, ngài Ấn Thuận cắt nhỏ các kinh ra, vài chữ một kinh, một đoạn một kinh, nen so lượng mới tang lên con số như trên.

41 Nhóm kmh về Đại Ca-diếp ,Đại Ca-diếp tương ưng: 11 kmh. 42 Nhóm kinh về trưởng làng ,Tq lạc chủ tương img: 10 kinh. 43 Nhóm kinh về ngựa Mã tương ưng: 10 kinh. 44 Nhóm kinh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương ưng: 10 kinh. 45 Nhóm kinh về không có bắt đầu ,V6 thủy tương ưng: 20 kinh. 46 Nhóm kmh Bà-sa di tu ,Bà-sa xuất gia tương ưng: 9 kinh. 47 Nhóm kinh người khác đạo xuất gia theo Phật ,Ngoại đạo xuất gia tương ưng: 15 kinh. 48 Nhóm kinh về nhiều chủ đề ,Tạp tương ưng: 18 kinh. 49 Nhóm kinh về thí dụ ,Thí dụ tương ưng: 19 kinh. 50 Nhóm kinh về bệnh Bệnh tương ưng: 20 kinh. 51 Nhóm kinh về nghiệp báo ,Nghiệp báo tương ưng: 35

kinh.

2. Khái quát nội dung của Kinh Tạp A-hàm Trong Kỉnh A-hàm nói chung, cuối từng nhóm kinh có một bài kệ tóm tắt viết tên các bài kinh trong nhóm, tiếng Hán gọi là Nhiếp tụng .Kỉnh Tạp A-hàm cũng tuân theo cấu trúc này nhưng hầu hết Nhiếp tụng bị thất lạc trong quá trình truyền thụ, giữ gìn nên chỉ còn 15 bài Nhiếp tụng, với khoảng 150 tựa đề kinh. Căn cứ vào nội dung kinh, trong bản dịch Việt của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh, nhóm dịch giả đã đặt tưa đề kinh nhằm thuận tiện hơn cho việc đọc tụng, nghiên cứu. Đe hiểu rõ những điểm tương đồng và di biệt về các bản văn của Kỉnh Tạp A-hàm. quý độc giả tham khảo Phụ lục 2 ở cuối tập này "So sánh tựa đề Kỉnh Tạp A-hàm với các ấn bản tương đương.99 Bên cạnh việc so sánh sự tương ứng của 2 bản dịch tiếng Việt về Kỉnh Tạp A-hàm nêu trên với bản Kinh Tạp A-hàm bằng Hán ngữ với mã số T02n0099 trong CBETA. bảng đối chiếu này còn so sánh 3 ấn bản Kinh Tương ưng bằng Pali, Anh ngữ và Việt ngữ. Căn cứ vào nội dung kinh, dựa theo cấu trúc của tạng Đại Chảnh, đồng thời có sự tham khảo từ Kinh Tương ưng bộ {Samyutta Nikãyd và "Hội biêù"\ bản dịch tiếng Việt Kỉnh Tạp A-hàm trong bản in lần này gồm có 1.362 kinh, được chia thành 8 chương, với 51 nhóm chủ đề: Chương 1: Năm tổ hợp ,Ngũ ấm tụng 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương ưng40 gồm các kinh 1-87, 103-110, 130-132, 256-272.41 Đức Phật định nghĩa về uẩn, thủ uẩn, đồng

40 Quyển "Hội biên"do Đại sư Ấn Thuận biên soạn, đặt nhóm kinh về năm tổ hợp vào chương l và nhóm kinh 1. J 41 Các kinh 88-102 thuộc nhóm kinh về Bà-la-môn.

thời dạy cách thức nhận diện bản chất con người gồm thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức và thế ậiới là vô thường .Không nhận ra quy luật này sẽ chấp ngã dẫn đến khổ đau . Người tu học nên quán "phi ng"và tánh không thực thể do mọi sự vật đều được hình thành bởi nhân duyên để thấy rõ tiến trình hình thành, tồn tại, chấm dứt của mọi sự vật về phương diện vật lý và nhận diện "vj ngọt, sự tai hại và xuất ly" về phương diện tâm lý, nhận thức để chấm dứt khổ đau. 2 Nhóm kỉnh về La-đà La-đà tương ưng42 gồm các kinh 111-129 với hai nội dung chính: i Đức Phật dạy cho thị giả của Ngài là Tỳ-kheo La-đà về cách chấm dứt khổ đau với năm mắc xích bắt đầu từ tham ái trên nền tảng không chấp dính vào năm tổ hợp con người, nhờ đó vượt ra khỏi sầu, bi5 khổ, ưu, não, đi đến giải thoát sanh tử; ii Đức Phật xác chứng và dạy thêm vê những điêu La-đà đôi thoại triêt học với những người khác tôn giáo. 3 Nhóm kỉnh về kiến chấp Kiến tương ưng43 gồm các kinh 133-171.44 Đức Phật dạy về sự chấp ngã nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái trói buộc, phải rong ruổi đường dài, mãi lưu chuyên trong luân hôi. Người tu tập cân có chánh tuệ đôi với những gì thuộc về năm uẩn, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc đẹp hoặc xấu; hoặc xa hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau; nhờ có chánh tuệ như vậy sẽ chấm dứt hoài nghi với bốn đế, chấm dứt vòng tái sanh. 4 Nhóm kỉnh về đoạn tri Đoạn tri tương ưng,45 còn gọi là Liễu tri txrơng ưng, gồm các kinh 172-187. Đức Phật dạy cách dứt trừ hoài nghi

tăng cường niềm tin vững chãi với Phật, Pháp, Tăng, đạo dức, tu chánh niệm, thiền chí, thiền quán với thái độ như cứu lửa đang cháy trên đau đe chấm dứt khổ đau. Chương 2: Sáu giác quan Lục nhập xứ tụng 5 Nhóm kinh về sáu giác quan ,Nhập xứ tương ưng46 gồm các kinh 188-255, 273-282, 304-342, 1164-1177.47 Đúc Phật dạy cách không chấp thủ khi sáu giác quan gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với sáu đối tượng gồm ảnh tượng, âm thanh, các mùi, các vị, xúc chạm và pháp, làm

42 Quyển "'Mm biên"đặt nhóm kinh La-đà vào chương 7, nhóm kinh 34 thuộc nhóm kinh “Nhu Lai sơ thuyết.^, 43 Quyển i,Hội biM đặt nhóm kinh về kiến chấp vào chương 7, nhóm kinh 35 thuộc nhóm kinh 4tNhư Lai s& thuyết.“ 44 Các kinh 130-132 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp. 45 Quyển 66Hội bn"đặt nhóm kinh về đoạn tri vào chương 7, nhóm kinh 36 thuộc nhóm kirứi "Nhu Lai sở thuyet. 46 Quyển ^Hội bỉêrf'đặt nhóm kinh về sáu giác quan vào chương 2, nhóm kinh 2. 47 Các kinh 256-272 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp.

phát sanh sáu loại nhận thức giác quan gồm thị giác tức nhãn thức ,thính giác tức nhĩ thức ,khứu giác tức tỷ thức ,vị giác tức thiệt thức ,xúc giác tức thân thức và ý thức .Cần thấy rõ vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly đối với năm giác quan và nhận thức giác quan để đạt được cái thấy như thật ,biết như thật xa lìa mọi chấp thủ, không còn dục lậu, tâm được giải thoát, chứng đạt Niết-bàn. Chương 3: Các loại nhân duyên Tạp nhân tụng 6 Nhóm kỉnh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng48 gồm các kinh 283-303, 343-378. Đức Phật dạy năm pháp quán chiếu, đó là quán vô thường, quán tiến trình sanh diệt, quán vô dục, quán Niết-bàn? quán buông xả để không sanh luyến tiếc, dính mắc, chấm dứt tham ái. Đối với con người, đức Phật dạy nhận thức về 12 mắc xích hình thành sự sống trong 3 chiều thời gian, dù Phật có ra đời hay không, con người sanh ra từ vô thủy và khi chết lại tiếp tục tái sanh. Làm chủ 4 loại thức ăn gồm: i Thức ăn thô hoặc tế kabalīkāro, th6 đoàn thực; ii Thức ăn nhờ cảm giác phassāhāro.xúc thực; iii Thức ăn nhờ ý muốn manosañcetanāhāro.ý tư thực; iv Thức ăn nhờ thức viññāriāhāro,thức thực. Con người không tham, không vui mừng sẽ không có sâu, bi, khô, ưu, não, châm dứt tái sanh. 7 Nhóm kinh về chân lý ,Đe tương ưng49 gồm các kinh 379-443. Đức Phật dạy phương pháp vượt qua khổ đau, chấm dứt sanh tử bằng 4 bước: i Nhận diện khổ đau; ii Truy tìm nguyên nhân; iii Trải nghiệm Niết-bàn; iv Thực tập chánh đạo. Chân lý này thiết thực hiện tại, có khả năng xua tan bóng tối vô minh, giúp con người đạt được Thánh trí, trải nghiệm an vui. 8 Nhóm kỉnh về cảnh giới Giới tương ưng50 gồm các kinh 444-465. Đức Phật dạy về: i Sáu yếu tố dhātu tức đất, nước, lửa, gió, hư r y không và thức tạo nên sự sông của con người và vạn vật; ii Ba cõi gôm cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; iii Bảy cảnh giới gồm cảnh giới ánh sáng, cảnh giới thanh tịnh, cảnh giới Không vô biên, cảnh giới Thức vô biên, cảnh giới Vô sở hữu, cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng, cảnh giới Diệt thọ tưởng định. 9 Nhóm kỉnh về cảm giác

Thọ tương ưng51 gồm các kinh 466-489. Đức Phật phân tích ba loại cảm giác gồm cảm giác hạnh phúc, cảm giác đau khô, cảm giác trung tính đôi với thân và tâm đêu sanh ra và bi biên đổi. Các cảm xúc tiêu cực dẫn đến tà kiến và khổ đau. Làm chủ cảm xúc,

48 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về nhân duyên vào chương 2, nhóm kinh 3. 49 Quyển "Hội biên"đặt nhóm kinh về chân lý vào chương 3, nhóm kinh 4. 50 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về cảnh giới vào chương 3, nhóm kinh 5. 51 Quyển ^Hội biêrf'đặt nhóm kinh về cảm giác vào chương 3, nhóm kinh 6.

không vướng kẹt vào tham ái và sân hận, giữ tâm xả ly, đạt được chánh trí và Niết-bàn an vui. Chương 4: Loi dạy của các bậc Thánh Tăng Đệ tử sở thuyết tụng 10 Nhóm kinh về Diêm-phù-xa ,Di4m-ph£i-xa tương ưng52 có một kinh sô 490, do Tôn giả Xá-lợi-phất dạy cho tu sĩ ngoại đạo Diêm-phù- xa Jambukhādaka vốn là bạn cũ. Tôn giả tuân tự giải nghi nhiều vấn đê mà Diêm-phù-xa còn vướng mắc. Tôn giả nhấn mạnh rang Thánh đạo tám chi là con đường tối thượng làm cho thiện pháp tăng trưởng, điều phục được tham sân si, thoát ra ngoài mọi ràng buộc của phiên não, chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh. 11 Nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất *Xá-lợi-phất tương ưng53 gôm các kinh 491-500, do Tôn giả Xá-lợi-phất giảng: i Giảng cho các vị đông tu vê cách đạt được tâm tịch tĩnh giải thoát, cách đi ngược dòng tham ái giữa đời thường, vượt qua chấp thân, không vướng các ách nạn và thác ghềnh vô minh, đạt được giải thoát; ii Đối thoại và giảng cho người khác tôn giáo về con đường giác ngộ và cách vượt qua khó khăn khi thực tập con đường giác ngộ. 12 Nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng5455gồm các kinh 501-534, do Tôn ệiả Mục-kiền-liên giảng: i Chia 56 sẻ với các bạn đồng tu như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan về các loại quả báo mà mắt thường không nhận biết hết được; ii Giảng cho các trời và Đế- thích về sự phức tạp của nhân quả và cách chuyển nghiệp để sống an vui. 13 Nhóm kinh về ngài A-na-luật ,A-na-luật tương ưn§55 gôm các kinh 535-545, do Tôn giả A-na-luật đàm đạo với bạn đông tu gôm Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan về bốn nền tảng chánh niệm, làm chủ thân thê, cảm giác, tâm và các pháp, cũng như những kinh nghiệm tu tập và chứng đắc đạo quả. 14 Nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên Đại Ca- chiên-diên tương ưng56 gôm các kinh 546-555, do Tôn giả Đại Ca-chiên-diên giảng về: i Chủ trương bình đẳng xã hội, bình đẳng giới, giá tri và nhân phẩm của con người là do đời sống đạo đức, các nguyên nhân mâu thuẫn, xung đột

52 d ^Hội bỉêrf\kinh này thuộc nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất, tuy nhiên, ở Kỉnh Tương ưng bộ thuộc về tươpg ưng3& của Thiên sáu xứ. Khảo sát nội dung cho thấy, tuy bản Hán đánh số là mọt kinh, nhưng thực tế bao gom nhiều tiết, đoạn. Theo nội dung được ghi nhạn trong kinh vần: Cũng như kinh trên, vơi những câu hỏi ở phần đầu cỉia Dỉêm-phù-xa, có thêm 40 kinh ,.Với những cơ sở như thế nên chúng tôi tách ra thành một nhóm riêng. Đặc biệt, ở dòng đâu tiên của bản kinh này, tức là đầu quyển 18, có thêm9một dòng chữ Hán, là dâu vết của sự phân chia chương, mục

thời xưa còn sót lại, mang nôi dung: Phẩm thứ chương về lời dạy của các bấc Thánh Tăng De tử SỞAthuyết tụng đệ tứ phẩm. Từ cơ sở đó, nên chúng tôi đưa bài kinh này vào mục đầu tiên của chương về lời dạy của các bậc Thánh Tăng. 53 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất vào chương 6, nhóm kinh 28. 54 Quyển ^Hội bi'đặt nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên vào chương 6, nhóm kinh 29. 55 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài A-na-luật trong chương 6, nhóm kinh 30. 56 Quyển ^Hội bi4n"đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên trong chương 6, nhóm kinh 31.

trong xã hội và cách vượt qua; (ii) Phương pháp niệm Phật, niệm Chánh pháp, niệm Tăng đoàn, niệm đạo đức, niệm bố thí và niệm vê thiên giới, cũng như cách thiết lập niềm tin vững chãi đối với Phật, Pháp, Tăng và đạo đức; (iii) Cách tu giải thoát do kết thúc toàn bộ ái dục. (15) Nhóm kinh về ngài A-nan (,A-nan tương ưng)57 gồm các kinh 556-565, do Tôn giả A-nan giảng cho các Tăng, Ni đồng tu và các thành phần xã hội về: (i) Bốn thanh tịnh gồm giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cái thấy thanh tịnh và giải thoát thanh tịnh; (ii) Cách tu tập thiền chỉ để được định và thiền quán để đạt trí tuệ; (iii) Bốn cảnh giới thiền và tu định Vô tướng để vượt qua ham muốn và ái dục; (iv) Trau dồi giới hạnh, làm chủ việc tiêu thụ thức ăn, châm dứt ngã mạn và ái dục đê sông thong dong và hạnh phúc giữa đời thường. (16) Nhóm kỉnh về trưởng giả Chất-đa-la (Chất-đa-la tương ưng)58 gồm các kinh 56Ó-575,59 do cư sĩ Chất-đa-la đàm đạo với các thầy Tỳ-kheo về tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, không chấp sở hữu, nương ba loại tam-muội để an tịnh tâm, thực tập thiền để trải nghiệm tỉnh thức, trải qua các cảnh giới thiên, đặc biệt là cảnh giới không còn cảm giác và tri giác đê vượt qua mọi sầu khổ trong đời. Chương 5: Vua A-dục (,A-dục vương tụng) (17) Nhóm kỉnh về Vua A-dục (A-dục vương tương ưng) gôm 3 kinh 604, 640, 641, đê cập đên cuộc đời và sự nghiệp của Vua A-dục trong kiếp trước cũng như trong hiện đời; những phương cách cai trị đất nước đúng pháp; những thử thách, trở ngại trong cuộc đời và tâm the vững chãi của nhà vua. Chương 6: Con đường tỉnh thức (Đạo phẩm tụng) (18) Nhóm kỉnh về nền tảng chánh niệm (Niệm xứ tương ưng)60 gồm các kinh 605-639, do đức Phật giảng dạy về bốn nền tảng chánh niệm gồm quán thân để làm chủ thân, quán cảm giác để làm chủ cảm giác, quán tâm đe làm chủ tâm và quán pháp thế gian để không vướng chấp, quán pháp xuất thế gian để giác ngộ, giải thoát. (19) Nhóm kinh về các căn lành (Căn tương ưng)61 gồm các kinh 642-660, do đức Phật dạy về ba loại căn gồm căn chưa biết nên biết, đã biết căn và biết căn đầy đủ, đồng thời phát triển năm căn gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, thiền đinh và trí tuệ.

57 Quyển^Hội biên"()đặt nhóm kinh về ngài A-nan trong chương 6, nhóm kinh 32. 58 Quyển^Hội biên"()đặt nhóm kinh về trưởng giả Chất-đa-la trong chương 6, nhóm kinh 33. 59 Các kinh 576-603 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 60 Quyển"Hôi bi'()đặt nhóm kinh về nền tảng chánh niệm trong chương 4, nhóm kinh 7. 61 Quyển bỉêr^ ()đặt nhóm kinhvề các căn lành trong chương 4, nhóm kinh 10.

(20) Nhóm kinh về các sức mạnh (Lực tương ưng)6263 64 gồm các kinh 661-703, do đức Phật dạy về: (i) Ba sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực5 trí tuệ; (li) Bôn sức mạnh gôm niêm tin, nô lực, chánh niệm, trí tuệ; (iii) Năm sức mạnh gôm niêm tin, nô lực, chánh niệm, thiên định, trí tuệ; (iv) Bảy sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội, chánh niệm, thiền đinh, trí tuệ; (v) Chín sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội, chánh niệm, thiền định, tư trạch, trí tuệ, tu tập. (21) Nhóm kỉnh về các yếu tố giác ngQ (,Giác chi tương ưng),63 gồm các kinh 704-747, đức Phật dạy về cách tu và giá trị của chánh niệm, trạch pháp, nỗ lực, khinh an, hoan hỷ, định tĩnh, buông xả để vượt qua năm trói buộc tâm gom ái dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, dao động và hoài nghi. về phong cách thực tập các yếu tố giác ngộ này, đức Phật khuyên không giải đãi nhưng không quá gắng sức, tu đều đặn để đạt được giác ngộ, giải thoát. (22) Nhóm kinh về tám chi Thánh đạo (Thánh đạo phần tương ưng),64 gồm các kinh 748-800, đức Phật dạy về con đường giải thoát với tám yêu tô chân chánh gôm tâm nhìn chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, nghe nghiệp chân chánh, nỗ lực chân chánh, chánh niệm hiện tiền và đại định nhất tâm để đạt được giải thoát và trí tuệ ve sự giải thoát của bản thân. (23) Nhóm kinh về quán niệm hơi thở (,An-na-bat-na niệm tương ưng)65 gồm các kinh 801-815, dạy về: (i) Kỹ năng thở thiền với 9 % \ 9

hơi thở vào, thở ra (ãnapãnă) đê làm chủ cảm xúc, giải phóng căng thăng, tăng cường sức khỏe thê chát và tinh thân; (ii) Lôi sông tỉnh thức với năm bước gồm sống giới hạnh, ít ham cầu và ít bận rộn, tiết độ trong ăn uống và tiêu thụ, nô lực tu tập ngày đêm và xa lánh nơi ôn náo đê vượt qua sự vướng châp thê tục; (iii) Phối hợp với bốn nền tảng chánh niệm để thở thiền có kết quả thiết thực, đồng thời phối hợp tu tập hơi thở thiền với bảy yếu to giác ngộ để giải phóng kho đau. (24) Nhóm kỉnh về các học pháp (,Học tương ưng)66 gồm các kinh 816-832, dạy về cách thực tập và đề cao giá tri của ba học cao quý: (i) Học đạo đức thanh cao qua làm chủ giác quan và các oai nghi; (ii) Học thiền định để lần lượt đạt được bốn cấp thiền gồm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do đinh lực, diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh; (iii) Học trí tuệ siêu việt qua bốn chân lý Thánh nhằm khép lại các nỗi khổ và niềm đau.

62 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về các sức mạnh trong chương 4, nhóm kinh 11. 63 Quyển "'Hội biêrf'()đặt nhóm kinh về các yếu tố giác ngộ trong chương 4, nhóm kinh 12. 64 Quyển ''Hội biên"'()đặt nhóm kinh về tám chi Thánh đạo trong chương 4, nhóm kinh 13. 65 Quyển 6iHội biên''()đặt nhóm kinh về quán niệm hơi thở trong chương 4, nhóm kinh 14. 66 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về các học pháp trong chương 4, nhóm kinh 15.

(25) Nhóm kỉnh về niềm tin vững chãi (,Bất hoại tịnh tương ưng)67 gồm các kinh 833-860, 902-904, 1121-1135, dạy về bốn niềm tin trong sạch, không thể hủy hoại (tứ bất hoại tín), tức niềm tin không dao động, niềm tin chắc chắn: (i) Niềm tin chắc chắn đối với vai trò Đạo sư của đức Phật (,Phật bất hoại tín); (ii) Niềm tin chắc chắn đối với chân lỵ Phật (,Pháp bất hoại tín) trị liệu khổ đau; (iii) Niềm tin

chắc chắii đối với Tăng đoàn (,Tăng bất hoại tín); (iv) Niềm tin chắc chắn đối với giá trị của việc thành tựu Thánh giới (). (26) Nhóm kỉnh về các cõi trời (Thiên tương ưng)68 gồm các kinh 861-872, giới thiệu về: (i) Các cuộc đối thoại giữa các cư dân trời gồm trời Đâu-suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Tịnh Cư về cuộc sống an lành, siêu việt hơn sự sống trên quả địa cầu này; (ii) Các hiện tượng thiên nhiên, các giới hạn của cõi trời, cách đạt được bốn cấp độ thiền định gồm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do định lực, diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh. (27) Nhóm kỉnh về tu chứng (,Tu chứng tương ưng)69 gồm các kinh 873-891, do đức Phật dạy về: (i) Cách tu tập và giá trị khác biệt của cộng đồng người xuất gia và người tại gia; (ii) Nhận diện ba cấp độ của con thành công so với cha mẹ gồm con kém cha mẹ9 con bằng cha mẹ và con hơn cha mẹ; (iii) Phát triên niêm tin làm động lực tu tập và phát triên các giá tri; (iv) Người chứng đắc lần lượt đạt được ba tuệ giác gồm tuệ giác về các kiếp quá khứ, tuệ giác ve tái sanh trong tương lai và tuệ giác không còn kho đau ở hiện tại. (28) Nhóm kinh về uẩn, xứ, giới (,Xứ, giới, uẩn tương img)70 gồm các kinh 892-901 ?71 dạy về bốn nỗ lực chân chánh, dứt trừ ba độc hại, tinh tân không buông lung, tu tập bôn thiên đê đạt được thiên chứng, chứng đác Tam minh, đạt giác ngộ, giải thoát. (29) Nhóm kỉnh về ngài Đại Ca-diếp (Đại Ca-diếp tương ưng)72 gồm các kinh 905-906, 1136-1144, bàn về: (i) Cuộc đàm đạo của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất về sắc là nhân duyên để Như Lai có sanh tử ở đời sau, không có sanh tử ở đời sau, vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau hay chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau; (ii) Đức Phật che định giới luật song hàng đệ tử thọ trì không giống nhau vì căn tánh khác nhau; năm nhân duyên khiến Chánh pháp chìm mất; năm nhân duyên khiến

67 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về niềm tin vững chãi Ương chương 4, nhóm kinh 16. 68 Quyển ^Hội bi'()đặt nhóm kinh về các cõi trời trong chương 7, nhóm kinh 37. 69 Quyển ^Hội bi"()đặt nhóm kinh về tu chứng trong chương 7, nhóm kinh 38. 70 Quyển ^Hội bin"()đặt nhóm kinh về uẩn, xứ, giới trong chương 7, nhóm kinh 39. 71 Các kinh 902-904 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 905-906 thuộc nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp. 72 Quyển 6íHội bn"()đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp trong chương 7, nhóm kinh 41.

Chánh pháp tồn tại lâu dài; iii Đức Phật tán thán Tôn giả Ca-diếp và khuyến khích các Tỳ-kheo phải nhiếp tâm, kiểm thúc thân, chánh niệm khi nhận vật thực, biết hổ thẹn, khiêm hạ. Chương 7: LM dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng 30 Nhóm kỉnh về trưởng làng Tu lạc chủ tương ưng73 gồm các kinh 907-916. Đức Phật dạy cho các thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la9 Ác Tính, Ma-ni-châu-kế, Vương Đảnh, Kiệt-đàm về pháp tu tập để được sanh thiên, đó là không sát sanh, không tranh dấu, có tâm hiền thiện, thường hành bố thí, có niềm tin Tam bảo kiên cố. Hơn thế nữa, đức Phật chỉ rõ tài sản thuộc chín nhà để không còn tham chấp, tránh xa hai cực doan, nhận thức và tu tập theo bốn chân lý Thánh, hướng đến cuộc sống an lạc trong hiện tại và tương lai. 31 Nhóm kỉnh về loài ngựa Mã tương ưng74 gồm các kinh

917-926. Đức Phật dạy về ba loại ngựa được điều phục, ba loại ngựa tự điều phục, ba loại ngựa tốt, ba loại ngựa hay, ba loại ngựa quý, loại ngựa hội đủ r 7 r* r \ e e \ \ ,

bôn phàm chát tót lành, đông thời Ngài dạy nhiêu cách luyện ngựa dâu là loại ngựa chứng, khó thuần phục. Nói về các phẩm tính và cách dạy cho các loại ngựa chính là an dụ chỉ cho việc tu tập, các hành giả dù với nhiều căn tánh trí phàm, nhanh chậm, đều có thể tu tập sửa đổi để tâm tánh trở nên hiền thiện, thành tựu giới thân Vô học, định thân Vô học, tuệ thân Vô học và giải thoát thân Vố học. 32 Nhóm kỉnh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương img75 gồm các kinh 927-936. Đức Phật định nghĩa về một ưu-bà-tắc đúng nghĩa cần phải đây đủ tín, giới, văn, thí, xả, tuệ. Ngài dạy 6 niệm, 11 pháp, 16 pháp đê một vị ưu-bà-tắc thực hành giáo pháp không bị lui sụt, có tri kiến, có khả năng quyết đinh, an trụ cửa giải thoát, tiếp cận hương vị giải thoát, lần lượt đoạn trừ năm kiết sử thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, thành tựu được quả vị Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, sớm chứng đác giải thoát Niêt-bàn. 33 Nhóm kỉnh về không có khỏi đầu ,Vô thủy tương img76 gồm các kinh 937-956. Đức Phật dạy về sự lang thang đau khổ triền miên của chúng sanh trong đêm dài sanh tử từ vô thủy đến nay; máu, nước mắt đã chảy, sữa mẹ đã uống, nỗi sợ hãi, núi xương khô không tính ke trong dòng chảy luân hồi; có vô lượng mẹ cha, có niềm vui nhưng tất cả đều vô thường, mong manh tạm bợ như bong bóng nước, như gặp trận mưa lớn ngậm tràn khiến chúng sanh mãi chìm trong đau khổ không biết đâu nguồn cội, lối thoát. Đức Phật khuyến khích: "Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng."

73 Quyển "Hội biên"đặt nhóm kinh về trưởng làng trong chương 7, nhóm kinh 42.
74 Quyển ^Hội bỉêrf đặt nhóm kinh về loài ngựa trong chương 7, nhóm kinh 43.
75 Quyển ^Hội biêrf đặt nhóm kinh về Ma-ha-nam trong chương 7, nhóm kinh 44.
76 Quyển 6iHội bien"đặt nhóm kinh về không có khởi đầu trong chương 7, nhóm kinh 45.

Ixxxviii KINH TẠPA-HÀM

(34) Nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa (,Bà-sa xuất gia tương ưng)77 gồm các kinh 957-964, nói về tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa từ lúc còn nhiều hoài nghi về sự hiện hữu của thân và mạng, vê sự tôn tại và không tôn tại sau khi chết, thường kiến hay đoạn kiến, thế gian thường hay vô thường,... cho đến lúc ông đặt trọn niềm tin vào ngôi Tam bảo và phát tâm xuất gia. Đức Phật đã giúp ông nhận thức rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm tổ hợp, an trú ông vào bốn chân lý Thánh và thọ ký cho ông trở thành bậc A-la-hán. (35) Nhóm kỉnh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia (,Ngoại đạo xuất gia tương ưng)78 gồm các kinh 965-979, dạy về: (i) Tấm gương của các Ton giả xuất thân từ tôn giáo khác, tu tập tỉnh thức, chứng đắc quả Thánh; (ii) Lối sống tỉnh thức, giữ giới thanh tịnh, tinh tấn, vượt qua nghiện ngập, luôn niệm Phật tỉnh tâm, thiêu hủy tâm tham ái, theo dòng Thánh nhân. (36) Nhóm kinh nhiều chủ đề (Tap tương ưng) gồm các kinh 980-992, 1241-1245, được đức Phật dạy cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan, trời Bế-thích, ưu-bà-di Lộc Trụ và chư Tỳ-kheo. Ngài dạy pháp cung kính Tam bảo, thường niệm Phật, Pháp, Tăng, hành pháp bố thí, giữ trọn vẹn năm giới, không còn tâm sợ hãi, được sanh lên cõi trời. Với tâm cung kính Tam

bảo, người tu tập thường điều phục tâm, đầy đủ oai nghi, giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân, thành tựu Vô dư Niết- bàn. Đức Phật dạy tàm và quý là hai pháp hộ trì thế gian; 18 ái hành là gốc rễ tái sanh luân hồi; thân khẩu ý bất thiện là pháp đốt cháy khiến chúng sanh đọa lạc cõi dữ; hãy biết đủ và buông bỏ pháp bất thiện, nhất định được lợi ích an lạc. Chương 8: Tám hội chúng (‚Bát chúng tụng) (37) Nhóm kinh về Bà-kỳ-xá (Bà-kỳ-xá tương ưng)79 gồm các kinh 993-994, 1208-1221, dạy về: (i) Tâm nhẫn nhục, tâm không đắm nhiễm, không chấp trước, không dính mắc, vượt qua tật bệnh, xa lìa điên đảo, thành tựu giải thoát; (ii) Đức Phật và chư Thánh Tăng làm tự tứ, soi sáng khiếm khuyết về thân, khẩu, ý5 được thấy, được nghe, được nghi cho nhau; (iii) Tôn giả Bà-kỳ-xá hết lòng tôn kính Tam bảo, thường dùng tài thi ca để làm kệ tán thán đức Phật và chư Thánh Tăng, tán thán lời pháp vi diệu của đức Phật; ngài cũng làm kệ khởi ý trong khi trải nghiệm tu tập để cảnh tỉnh chính mình đoạn trừ tâm kiêu mạn buông lung, ở nơi rừng vắng, chuyên tinh tu tập, tự thân tác chứng, đạt được Ba minh. (38) Nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ (Chư thiên tương ưng)80 gồm các kinh 576-603, 995-1022, 1267-1318. Các VỊ thiên tử thỉnh vấn

77 Quyển "Hôi biên"()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa trong chương 7, nhóm kinh 46. 78 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia trong chương 7, nhóm kinh 47. 79 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Bà-kỳ-xá trong chương 5, nhóm kinh 24. 80 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ trong chương 5, nhóm kinh 25.

và được đức Phật dạy về: (i) Sự tu tập thanh tịnh ở nơi a-lan-nhã, cách tu tập tăng trưởng công dức, cách chế ngự tâm kiêu mạn, nhiếp phục các giác tưởng, các loại phước bô thí, các loại thiện tri thức, hữu dư và vô dư; (ii) Quy luật vô thường, mạng người ngắn ngủi, già bệnh chết luôn đang bức bách, chúng sanh nương vào nghiệp đến đi trong vòng sanh tử; (iii) Triết lý thức và ngủ, đoạn trừ các pháp bất thiện, trì giới thanh tịnh, tâm không đắm nhiễm, chánh niệm tỉnh thức để được tái sanh vào cảnh giới lành, các cõi trời và tu tập thiện pháp, tiến hóa dần, đạt đến quả vị Thánh, thoát vòng sanh tử; (iv) Tấm gương các vị thiên tử Thủ, Vô Phiền, cấp Cô Độc, V.V.. lúc còn ở thế gian đã có niềm tin Tam bảo, bố thí cúng dường, giữ giới, biết đủ, hành các hạnh lành. (39) Nhóm kỉnh về bệnh (? Bệnh tương ưng)81 gồm các kinh 1023- 1038, 1265-1266, dạy về các tình huống: (i) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và cư sĩ đang bi bệnh nặng, hấp hối được đức Phật đến bên giường bệnh hướng dẫn thực tập "pháp vô ngã5\ từ bỏ mọi chấp thủ về thái độ "tôi là", "đây là sở hữu của t6i”"dây là tự ngã của tôf\ nên vượt qua được sự đau nhức trên thân; nếu người ra đi sẽ được nhẹ nhàng, nhanh chóng tái sanh vào cảnh giới an lành; (ii) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và Phật tử tại gia nhờ thực tập "pháp vô ng*', vượt qua đau đớn trên thân, thậm chí chứng đắc quả Thánh. (40) Nhóm kinh về nghiệp báo (7 Nghiệp báo tương img)82 gồm các kinh 1039-1061, được đức Phật phân tích về các loại hành vi, nhân quả với 3 chiều thời gian, cách vượt qua nghiệp bất thiện, gieo trồng các hạt giống lành, cách chuyển nghiệp để sống hạnh phúc. (41) Nhóm kinh về Tỳ-kheo (‚Tỳ-kheo tương ưng)83 gồm các kinh

1062-1083, nói về các thành phần xã hội giác ngộ chân lý Phật, phát tâm xuất gia, trở thành Tăng sĩ Phật giáo, sinh hoạt thường nhật và cách thức tu tập Phạm hạnh thanh cao, sống hòa hợp trong Tăng đoàn, giáo hóa mọi người vượt qua khổ đau. (42) Nhóm kỉnh về Ma Ba-tuần (2 Ma tương ưng)84 gồm các kinh 1084-1103, nói về: (i) Ma Ba-tuần thường biến hiện khuấy động, nhiễu loạn đức Phật và các Tỳ-kheo, gây khó khăn chướng ngại để các Tỳ-kheo sợ hãi, chán nản, thoái chí tu tập, nhưng Ma vương đều bị thất bại; (ii) Đức Phật dạy về năm thủ uẩn, sáu xúc nhập xứ, sự tập khởi và sự diệt tận của chúng đe các Tỳ-kheo nhận diện, tu tập, vượt qua các nội ma phiền não và tâm lý tiêu cực, chứng đắc quả Thánh hiện đời.

81 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về bệnh trong chương 7, nhóm kinh 50. 82 Quyển "Hội biêr^ ()đặt nhóm kinh về nghiệp báo trong chương 7, nhóm kinh 51. 83 Quyển ^Hội bỉêrf'()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo trong chương 5, nhóm kinh 17. 84 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về Ma Ba-tuần trong chương 5, nhóm kinh 18.

xe KINH TẠPA-HÀM

(43) Nhóm kỉnh về Đế-thích (Đế-thích tương ưng)8586 gồm các kinh 1104-1120,1222-1225, dạy về: (i) Hành trì bảy giới cấm được sanh lên cõi trời Đế-thích? đó là phụng dưỡng cha mẹ9 phụng dưỡng các bậc tôn trưởng, lời nói ôn hòa nhu nhuyến, không nói lời thô ác chia rẽ5 luôn nói lời chân thật, tâm không bon xẻn, thường hành bố thí cúng dường bình đẳng với tất cả; (ii) Đức Phật khen ngợi Thích-đề-hoàn-nhân thường hành nhẫn nhục, tán thán người thực hành nhẫn nhục, không sân hận, không tranh dấu, không dùng lời thô ác, biết tự phòng hộ, nội tâm thường phản tỉnh. (44) Nhóm kinh về những người họ Thích (Sát-lợi tương ưng)8 gồm các kinh 1121-1123.87 Đức Phật dạy về lợi ích của giữ giới và khuyến khích những người dòng họ Thích thực hành tám trai giới, tùy sức bố thí, tu tập các công đức; dạy cho Thích Nan-đề pháp thăm bệnh; dạy cho Thích Bồ-đề hạnh phúc lớn nhất chính là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, Pháp, Tăng. (45) Nhóm kỉnh về Vua Ba-tư-nặc (Ba-tư-nặc tương ưng) gồm các kinh 1145-1150, 1226-1240. Đức Phật dạy cho nhà vua về các việc: (i) Gieo vào các ruộng phước tối thượng chính là cúng dường cho các vị Sa- môn5 Bà-la-môn đã đoạn trừ hoàn toàn tham dục, sân hận, thụy miên, trạo hối và nghi; (ii) Giáo pháp của Thế Tôn thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, vượt không gian và thời gian, dẫn đen Niết-bàn; (iii) Bon hạng người trong đời gom hạng người từ bóng toi vào bóng toi, từ bóng toi ra ánh sáng, từ ánh sáng vào bóng tối, từ ánh sáng ra ánh sáng; bốn việc không nên xem thường là vương tử Sát-lợi nhỏ tuổi, răn nhỏ, đôm lửa nhỏ và vị Tỳ-kheo nhỏ tuôi; (iii) Phật dạy cho nhà vua cách trị nước bằng Chánh pháp, cách tiết độ trong ăn uống, ý thức rõ sự vô thường của các pháp, yêu quý chính mình bằng cách giữ gìn thân miệng ý thanh tinh, cách cúng tế chân chánh, tất cả mang lại lợi ích cho tự thân và tha nhân. (46) Nhóm kinh về Bà-la-môn (Bà-la-môn tương ưng)88 gồm các kinh 88-102, 1151-1163, 1178-1187.89 Đức Phật dạy cho các Bàĩa- môn uất-da-la, Ưu-ba-ca? uất-xà-ca, Kiêu Mạn, về: (i) Hiếu dưỡng với cha mẹ, giúp cha mẹ lìa khô được vui; (ii) Các cách hiên tê đúng pháp mang lại lợi ích cho mình và cho người; (iii) Bốn pháp giúp người tại gia an ổn,

hạnh phúc trong cuộc sống hiện tại, đó là đầy đủ sự siêng năng, phòng hộ, bạn lành và biết

85 Quyển "Hôi bn” ()đặt nhóm kinh về Đế-thích trong chương 5, nhóm kinh 19. 86 Quyển ^Hội b"'()đặt nhóm kinh về những người họ Thích trong chương 5, nhóm kinh 20. 87 Các kinh 1124-ỊÍ35 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 1136-Í144 thuộc nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp. J 88 Quyển ^Hội bi4n"()đặt nhóm kinh về Bà-la-môn trong chương 5, nhóm kinh 2l. 89 Các kinh 1164-Í165 thuộc nhóm kinh về sáu giác quan. Các kinh 1166-Í177 thuộc nhóm kinh về thí dụ.

thăng bằng trong sinh hoạt; (iv) Công đức bố thí, trì giới, các pháp thanh tịnh, sanh thiên, giảng sâu về vị ngọt, sự tai hại, sự xuất ly của các dục, khai thi bốn chân lý Thánh để hành giả bước lên con đường tu tập, đạt được tâm giải thoát hoàn toàn. (47) Nhóm kỉnh về Phạm thiên (,Phạm thiên tương ưng)90 gồm các kinh 1188-1197, nói về: (i) Khi vừa thành đạo chưa bao lâu, đức Phật quán chiếu ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn5 Bà-la-môn9 thiên thần hay người thế gian có đầy đủ giới dức, thiền đinh, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ngài đe Ngài cung kính, tôn trọng, phụng sự? cúng dường và sông nương tựa. Ngài nhận ra răng chỉ có Chánh pháp giúp Ngài tư giác ngộ, thành tựu giác ngộ hoàn toàn, nên Ngài cung kính, tôn trọng, phụng SỊT, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp; (ii) Ngài nhận ra con đường trực tiếp, tinh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buồn, diệt trừ khổ não, chứng ngộ Niết- bàn, đó là bốn niệm xứ; (iii) Phạm thiên vương và các vi Phạm thiên được Phật giáo hóa. (48) Nhóm kỉnh về Tỳ-kheo-ni (,Tỳ-kheo-ni tương ưng)9192 gồm các kinh] 198-1207,92 thuật lại việc Ma Ba-tuần hóa hiện nhiều thân làm nhiễu loạn thiền đinh của chư vị Tỳ-kheo-ni: A-lạp-tỳ, Tô-ma, Cát-ly-xá Cù- dàm-di, Liên Hoa sắc, Thi-la, Ty-la, Tỳ-xà-da? Gia-la, Ưu-ba-giá-la, Thi-lợi- sa-giá-la. Thê nhưng, Ma Ba-tuân hoàn toàn thát bại vì đã bị các vị Thánh Ni nhận ra ác tâm của Ma ngay từ lúc bắt đầu. (49) Nhóm kỉnh về thí dụ (Thí dụ tương ưng)9394 gồm các kinh 1166-1177, 1246-1264,94 do đức Phật giảng về nhiều ẩn dụ triết học, nhằm giúp người tu học vượt qua thói phàm, tu tập tỉnh thức, sống hạnh phúc giữa đời. Các ẩn dụ nổi bật gồm ẩn dụ chăn bò, ẩn dụ nước mưa, ẩn dụ gia đình trai ít gái nhiều, ẩn dụ luyện kim, ẩn dụ dao nhọn, ẩn dụ đất trên đầu móng tay, ẩn dụ người bắn cung, ẩn dụ trống a-năng-ha, ẩn dụ mèo chồn. (50) Nhóm kỉnh về dạ-xoa (,Dạ-xoa tương ưng)95 gồm các kinh 1319-1330, dạy về: (i) Cách bố tìií không tiếc nuối, đại hội hiến tế; (ii) Không oán hận giữa chiến thắng và thất bại; (iii) Không buông thả, hạnh được yêu mến, hạnh cung kính, phước sanh cõi trời; (iv) Cách bảo vệ Tổ quốc và hộ trì thế gian.

90 Quyển ^Hội biên9'()đặt nhóm kinh về Phạm thiên trong chương 5, nhóm kinh 22. 91 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni trong chương 5, nhóm kinh 23. 92 Các kinh 1208-1221 thuộc nhóm kinh về Bà-kỳ-xá. Các kinh 1222-1225 thuộc nhóm kinh về Đế-thích. Các kinh 1226-1240 thuộc nhóm kinh về Vua Ba-tư-nặc. Các kinh 1241-1245 thuộc nhóm kinh nhiêu chủ đề. 93 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về thí dụ trong chương 7, nhóm kinh 49. 94 Các kinh 1265-1266 thuộc nhóm kinh về bệnh.

Các kinh 1267-1318 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 95 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về dạ-xoa ương chương 5, nhóm kinh 26.

xcii KINH TẠPA-HÀM _____

(51) Nhóm kinh về rừng (Lâm tương ưng)96 gồm các kinh 1331-1362, dạy về: (i) Các vi thần ở trong rừng nhắc nhở hộ trì chư Tỳ-kheo chuyên tinh tu tập, điều phục tham dục, không ham mê ngủ nghỉ, đoạn trừ tưởng bất thiện, an trú thiền tập, siêng năng tụng lời Phật dạy, giới hạnh đoan chánh, giữ gìn oai nghi tế hạnh, không gần người thế, không dao động trước những lời khen chê, thường hành tứ y pháp; (ii) Chư Tỳ-kheo được sự nhắc nhở của các thiện thần biết tàm quý, nỗ lực tu tập, vượt qua mọi phiền não, đạt được giải thoát, chứng đắc quả vị A-la-hán. Kết luận về nội dung, ngoài những chủ đề về đức Phật lịch sử, vai trò Đạo sư của đức Phật và các học thuyết quan trọng trong triết học Phật giáo, Kỉnh Tạp A-hàm là nguồn dữ liệu phong phú về những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. Với những bài kinh ngắn gọn thuộc nhiều nhóm chủ đề khác nhau và mang tính giáo huấn cao, Kinh Tạp A-hàm đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu nền tảng Phật học, giúp hành giả nắm bắt được những lời dạy cốt lối của đức Phật trong suốt 45 năm truyền bá chân lý. Chung quy lại, Kỉnh Tạp A-hàm chú trọng bốn lĩnh vực sau: (i) Lời dạy về các chủ đề: Năm tổ hợp, sáu giác quan, sáu đối tượng, sáu nhận thức, các cảnh giới sống, pháp an vui trong hiện đời, đời sau và chứng đắc Niết-bàn9 v.v... (ii) Pháp tu căn bản: Dùng bốn chân lý Thánh để giải quyết khổ đau. Áp dụng thuyết tương quan vũ trụ, thuyết 12 mắc xích sự sống con người để thấy sự tương quan vô tận trong cuộc sống, ứng dụng quán vô ngã để không khổ đau trong vô thường. (iii) Thực hành: Thực hành theo niềm tin, thực hành theo Chánh pháp, bao gồm 37 yếu tố giác ngộ, tu tập trọn vẹn trí tuệ, đạo đức, thiền định để vượt qua kho đau. (iv) Quả vị chứng đắc: Đi từ chân nhân đến tiệm cận Thánh nhân, bốn quả vị Thánh Thanh văn và quả vị Phật, giác ngộ, giải thoát, kết thúc luân hồi.

Chùa Giác Ngô, ngày 20-8-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

96 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về rừng trong chương 5, nhóm kinh 27.

KHÁI QUÁT KINH TẠPA-HÀM Theo Xuất Tam tạng kỷ tập,12Kỉnh Tạp A-hàm do ngài cầu-na- bạt-đà-la S. Gunabhadra,,Công Đức Hiền,,dịch từ Phạn sang Hán tại chùa Kỳ Hoàn 2 vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 12 năm 435, đời Vua Lưu Tống Văn Đe ,407-453.34Tác phẩm Cao Tăng truyệrủ và Phật Tổ thống kỷ5678*cũng xác nhận sự tương đồng về sự kiện và niên đại. Theo những nguồn tư liệu vừa dẫn thì ngài cầu-na-bạt-đà-la sinh ra và lớn lên trong truyền thống Bà-la-môn ở miền Trung Ấn Độ. Nhân đọc tác phẩm Tạp A-tỳ-đàm tâm 6 nên ngài tỏ ngộ và đã xả tục xuất gia, thọ Cụ túc giới rồi từng bước bác thông Tam tạng. Vì tu tập theo giáo nghĩa Đại thừa nên được người đời tôn xưng là Ma-ha-diễn .7 ở Ấn Độ, ngài vân du giáo hóa nhiều nơi rồi đến Tích Lan. Từ dây, ngài theo đường biển đến Quảng Châu l, Trung Quốc, được Lưu Tống Thái Tổ sai sứ nghinh tiếp và cung cử các vị danh Tăng như Tuệ Nghiêm ,Tuệ Quá',biệt đãi ở Tân Đình ,8

sau đó thỉnh ngài an trú ở chùa Kỳ Hoàn. Bấy giờ, bên cạnh lòng nhiệt thành kính ngưỡng của Lưu Tống Văn Đe, ngài cầu-na-bạt-đà-la còn được các hoàng thân nhà Lưu Tống như Lưu Nghĩa Khang ,409-451, Nam Tiều Vương Lưu Nghĩa Tuyâi tt,415-454 kính ngưỡng và sùng trọng. Đặc biệt, Nam Tiều Vương Lưu Nghĩa Tuyên sau khi nhận chức Thứ sử ở Kinh Châu đã thỉnh riêng ngài về đây và cầu thỉnh ngài dịch nhiều bộ

1 Xuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145.14. o 105b 18. 2 Tuy nhiên, theo Phí Trường Phòng trong Lịch đại Tam bảo kỷ thì ngài cầu-na-bạt-đà-la dịch Kinh Tạp Ả-hàm\^i chùa]^õa Quan .Ban kinh này do ngài Pháp Hiển mang về. Xem Lịch đại Tanỉbảo kỷ T.49. 2034.10. 0091a24. 3 Lưu Tống Văn Đe ,407-453, huy là Lưu Nghĩa Long ,Miếu hiệu là Thái TỔ ,nên gọi la Lưu Tống Thái Tổ . 4 Cao Tăng truyện T.50. 2059.3. 0344a05. 5 Phật TỒ thống kỷ r.49. 2035.36. 0345a25. 6 Cao Tăng truyện chép nhầm là Ạ-tỳ-đàm tạp tâm ,đúng ra là Tạp A-tỳ-đàm tầm r.28. 1552 gồm có 11 quyển. Tác phàm này do Tôn giả Pháp Cứu tạo. 7 Ma-ha-dienlà phiên âm của từ Mahāyāna, n^iĩa là Đại thừa .Thẹo Nhất thiết kỉnh âm nghĩa r54. 2128.21 0440a12, Ma-ha-dien gọi đẩyđủ là Ma-ha-dien-na. Ma-ha, Trung Hoa dịch là Đại; Dien-na dịch là thừa 2. 8 Tân Đình ,tên gọi một ngôi dinh thự của triều đình dùng tiếp đón các danh sĩ ở kinh đô; thời TamQyoc gọi là Lâm Thương Quán .Vào giữa niên hiệu Long An ,thời Tân An Đê ,nơi đây được tổ chúc trùng tu lại va gọi là Tân Đình.

kinh như Vô ưu Vương ,Quá khứ hiện tại nhân quả , Vô Lượng ,Nê-hoàn Ương-quật-ma-la ...hơn 100 quyển.9 Điều đáng chú ý và mang tính thần dị là, khi được Lưu Nghĩa Tuyên cung thỉnh giảng Kỉnh Hoa Nghiêm, ngài cầu-na-bạt-đà-la đã từ choi vì cho rang mình chưa am tường Hán ngữ. Trong một giấc mộng, ngài được thần nhân thay đầu ngài bằng một đầu người khác và kể từ đó Phạn Hán ngài rất làu thông.10 Những cứ liệu lịch sử và cả sự thân di đó cũng đông thời cho thây Kinh Tạp A-hàm được ngài dịch trước nhất, khi vừa mới đến kinh đô Kiến Khang . Trên thực tế lịch sử, ngài cầu-na-bạt-đà-la được hai vị cao đồ của ngài La-thập là Tuệ Nghiêm và Tuệ Quán11* tiếp đãi, và từ câu chuyện ngài được thần 13 nhân thay đầu lúc ở Kinh Châu, nên kể từ đó vốn Hán ngữ của ngài thêm tinh thông. Điều này đã góp thêm những bằng chứng cho thấy rằng khi truyền dịch Kinh Tạp A-hàm. ngài cầu-na-bạt-đà-la chưa am tường Hán ngữ. Đó là một trong những cơ sở quan trọng nhằm lý giải vì sao trong Kinh Tạp A-hàm có những cấu trúc từ ngữ rất dị biệt, tối nghĩa, khó hiểu, nếu như không được soi sáng từ các nguồn kinh điển tham chiếu tương đương. Cả ba nguồn tư liệu khả tín gồm Xuất Tam tạng kỷ tập^1 Cao Tăng truyện^ Lịch đại Tam bảo kỷì4 đều ghi nhận rằng, trong dịch trường Kỉnh Tạp A-hàm của ngài cầu-na-bạt-đà-la có ngài Thích Bảo Vân 376-449 là người truyền dịch từ Phạn sang Hán, ngài Tuệ Quán ghi chép. Điều đáng chú ý là trong Khai Nguyên Thích giảo lục, ngài Trí Thăng còn chú thích thêm rang, Kinh Tạp A-hàm được hợp

dịch15 nhưng không nói rõ hợp dịch với ai. Trong bối cảnh vừa mới sang Trung Hoa truyền đạo khoảng một năm nên ngài Câu-na-bạt-đà-la có khả năng chỉ đóng vai trò là người tuyên dịch như là một Kinh sư.16 Đây là một trong những cơ sở góp phần khẳng định ngài Bảo Vân có thể là người giữ vai trò quan trọng trong việc phiên dịch Kinh Tạp A-hàm từ Phạn sang Hán. Từ thực tế đã từng đi chiêm bái các Thánh tích cùnệ thời với ngài Pháp Hiên17 và đã ở lại Án Độ cầu học kinh pháp nhiều năm, the nên ngài Thích Bảo

9 Xuất Tam tạng ký tập(755 2145.14. o 105c 18) ghi:
T.
Xuất Tam tạng kỷ tập (T.55. 2145.14. 0105c26).
è4,,,•
n Xuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145.14. 0105Ồ18. 13 Cao Tăng truyện 50. 2059.3. 0344a05. 14 Lịch đại Tam bảo kỷ T.49. 2034.10. 0092al4. Khai Nguyên Thích giảo lục 7.55. 2154.13. 0610c21 ghi: ứS.
16Kinh su ,Bhānak0\N\ tu sīPhātgiao chuyên về việc học thuộc lòng và trì tụng kinh điển. Xem Xả-Ịợi-phât A-tỳ-đàm luận r.28. 1548.1.0525b08; Nam Hải kỷ quy nôi pháp truyện ..51.T 17 Cao Tăng Pháp Hiển truyện 7.51. 2085. 0857al2.

Vân tinh thông cả Phạn và Hán,18 đã trực tiếp phiên dịch hoặc trợ giúp việc phiên dịch cho nhiều bậc cao Tăng. Theo thống kê của ngài Trí Thăng trong Khai Nguyên Thích giảo lục, dịch phàm kinh điên của riêng ngài Bảo Vân bao gồm 4 bộ? 117 quyển.19 Tuy nhiên, với một số triết lý cao thâm như tánh không, vi trần..., ngài Bảo Vân vẫn còn vài chỗ chưa the giãi bày hết ý nghĩa. Chính vì vậy mà ngài Bảo Vân đã đôi lần tham vấn thầy của mình là ngài Phật- đà-bạt-đà-la ,359-429 để giải nghi.2021 Với những cứ liệu nêu trên cho thây, trong quá trình phiên dịch Kinh Tạp A-hàm. ngài cầu-na-bạt-đà-la chưa hoàn toàn thông thạo chữ Hán và người trợ phiên là ngài Thích Bảo Vân cũng có những giới hạn nhất định về nội điển, nhất là những tư tưởng thâm áo trong giáo nghĩa Đại thừa và cả những quan điểm triết học của các triết phái Ấn Độ thời cổ đại. Đây là những lý do khiến cho bản dịch tiếng Hán Kinh Tạp A-hàm tồn tại những cú ngữ hàm súc, những kết cấu đặc dị như: đoạn đoạn ,chân thuyết ,chánh tận kh6 ,pháp trụ pháp giới ,mạn vô gián đẳng ,bát đại sĩ địa ,đoạn ngũ chi, thành lục chi, thủ hộ nhất, y tứ chủng, khí xả chư đế ...Trong bản dịch tiếng Việt Kinh Tạp A-hàm do Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh phiên dịch, phần lớn những cú ngữ nêu trên đã được lý giải sau khi tham chiếu những bản kinh, luận tương đương ở kinh văn Pali và cả trong Hán tạng. về phương diện tiêu đề? khi lý giải về chữ "tạp"trong Kinh Tạp A-hàm thì xưa nay có nhiều quan điểm không thống nhất. Trong số những quan điểm dị biệt liên quan đen vấn đe này có the quy vào hai xu hướng. Thứ nhất, chữ “tạp”ở đây mang nghĩa là phồn tạp, lẫn lộn bộ loại, không có trật tự. Đại diện cho quan diêm này xuất hiện trong bộ luận giải vê bốn phẩm đầu của Kinh Tăng nhất A-hàm. gọi là

Luận Phân biệt công đức. Luận ghi: "Tqp nghĩa là các kinh rời rạc, khó tụng khó nhớ, nhiều việc phức tạp, khiến người dễ quên, nên gọi là Tạp vậy'm Có the bi ảnh hưởng bởi quan điểm này nên ngài Trí Thăng trong Khai Nguyên Thích giáo lục cũng giải thích tương tự: "Bộ kinh [Tạp A-hàm] này, toàn là nói những việc phức tạp, vì các phẩm không theo thứ tự, các bài tụng,., cũng khác biệty22 Quan điếm của ngài Trí Thăng trong Khai Nguyên Thích giảo lục cũng là cơ sở đe ngài Hoằng Tán vận dụng trong tác phẩm Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích.23

ỈSXuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145.Í5. 0ll3a06. Nguyên tác:. 19 Xt Tam tạng ký tạp T.55. 2154.5. 0525c04. 20 Cao Tăng truyện 150. 2059.2. 0334b27. 21 Phân biệt công đức luậnr25. 1507.1. 0032a20 ghi: . 22 Khai Nguyên Thích giáo lục 55. 2154.13. 0610c22 ghi:.. . 23 Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích X44. 0744. 37. 0683al3.

Thứ hai, theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên, chữ “tap”trong văn tự Trung Hoa không nhất thiết chỉ mang nghĩa tạp loạn,2425 vì có nhiều nguồn thư tịch khả tín đã minh chứng cho quan điểm này. Chữ "tạp"ở đây còn mang nghĩa là khế hợp với nhau,25 như Luật Ma-ha Tăng-kỳ đã ghi rõ: “Những bài kỉnh và kệ tụng khe hợp với nhau gom lại thành Tạp A-hàmf gọi là khê hợp vê Căn, khê hợp vê Lực, khê hợp về Giác chi, khế hợp về Thánh đạo, những việc khế hợp như vậy được gọi là Tạp."2627 * Tương tự? Luận Du-già sư địa giải thích rõ ràng hơn: "Tất cả kinh điển có giáo nghĩa giống nhau, liên hệ chặt chẽ với nhau,21 tập hợp thành từng nhóm nên gọi là Tạp A-cấp-may2^ Khảo sát vê nội dung Kỉnh Tạp A-hàm, có thê thây răng cả hai quan diêm nêu trên đều có mặt trong nội dung kinh, tuy nhiên quan điểm thứ hai mang tính phổ biến hơn cả. Nghĩa là, Tạp A-hàm là một bộ kinh mà có những bài kinh, những sự kiện, những chủ đề giống nhau được kết tập vào thành từng nhóm, đó là đặc thù chủ yếu của tên gọi Tạp A-hàm. về phương diện tên gọi, cấu trúc và đặc thù tư tưởng của Kỉnh Tạp A-hàm, ở đây, nhiều nhà nghiên cứu Phật học có thẩm quyền như học giả Lữ Trừng , Pháp sư Ấn Thuận El...đã đưa ra những nhận định, những đề xuất nhưng chỉ dừng lại ở phương diện gợi mở. Xét về phương diện tên gọi, với những bằng chứng ròi rạc được lưu lại trong Kinh Tạp A-hàm đã cho thấy, ngay từ ban đầu5 mỗi kinh trong Tạp A-hàm được định danh với những tên gọi khác nhau, xuất hiện trong những bài kệ tóm tắt, gọi là "Nhiếp tụng." Theo khảo sát, toàn bộ Kinh Tạp A-hàm hiện chỉ còn 15 bài Nhiếp tụng. Trong quyển thứ nhất có 4 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số 7, kinh số 14, kinh số 24 và kinh số 29. Trong quyển thứ hai, có 4 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh 36, kinh số 46, kinh số 56 và kinh số 58. Trong quyển thứ ba, có 4 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số 64, kinh số 68, kinh số 7l và kinh số 8l. Trong quyển thứ năm chỉ có l bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số no. Trong quyển thứ mười có 2 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số 262 và kinh số 272. Tính bình quân, mỗi bài Nhiếp tụng bao hàm khoảng lo kinh thì với số lượng 15 bài Nhiếp tụng còn lại đã xác định khoảng 150 tựa đề kinh trên tổng số l .362 bài

24 TapA-ham kỉnh luận hội biên y.30. OI. b006a07 ghi: .
25 Tạp mang nghĩa tổ hợp, phối hợp . Ma-ha Tang-ky luậtr.22. 1425.32.
049ÍCÍ6 ghi: , ., 2 27 Nguyên tác: Gian xí 3
dùng như "nhàn xí”chí dio sự liên hệ chặt chẽ, quyện chặt, khắn khít. Tham chiêu tác phàm cô văn Ne ỉoại tụ quyển 76, thời nhà Đường: Cây cối rậm rạp, ngào ngạt muôn hương . 2\Du-già sưđịiluậnT.30. 1579.85.
0772c09 ghi:

Kinh Tạp A-hàm, Đây cũng là cơ sở lý luận trọng yếu để Trung tâm Dịch thuật Trí Tinh căn cứ vào nội dung kinh đặt lại tựa đề cho toàn bộ Kỉnh Tạp A-hàm, bên cạnh hình thức đánh số thứ tự như xưa nay. Vê phương diện câu trúc, căn cứ vào bài tựa Trường A-hàm của ngài Thích Tăng Triệu ,Kinh Tạp A-hàm gồm có 4 phần, 10 tụng.29*31 Theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên, “tqng"ở đây chính là tên gọi khác của "thiên”.3Nếu y cứ vào quan điểm này, cấu trúc của Kỉnh Tạp A-hàm rất đặc biệt, vì nếu như Kinh Tương ưng bộ chỉ phân ra 5 thiên thì Tạp A-hàm được phân ra đến 10 thiên =.Mặc dù dấu vết về sự phân chia này trong Kinh Tạp A-hàm hiện không còn đầy đủ, nhưng với một vài chương mục còn sót lại đã góp phần chứng tỏ điều này. Đó là, ở đầu quyển 16, xuất hiện cụm từ Tạp nhân tụng đệ tam phẩm chi tứ p, nghĩa là, phần thứ tư của phẩm thứ ba, thuộc Tạp nhân tụng .Ke tiếp, ở đầu quyển 17, xuất hiện cụm từ Tạp nhân tụng đệ tam phẩm chỉ ngũ X, nghĩa là, phần thứ năm của phẩm thứ ba, thuộc Tạp nhân tụng. Ke tiếp, đến đầu quyển 18, xuất hiện cụm từ Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ phẩm ,nghĩa là, phẩm thứ tư, thuộc Đệ tử sở thuyết tụng. Đặc biệt, đầu quyển 24, xuất hiện cụm từ Đệ ngũ tụng đạo phẩm đệ nhất ,nghĩa là, phần thứ nhất của phẩm Bạo, thuộc Đệ ngũ tụng. Mặc dù hình thái, cấu trúc của Kinh Tạp A-hàm chỉ còn lưu lại vài cụm từ như trên, nhimg qua sự sắp xếp mang tính tương liên, thứ lớp của Tạp nhân tụng và đặc biệt là sự xuất hiện của Đệ ngũ tụng nằm ở phần giữa của bộ Kinh Tạp A-hàm. tức là quyển 24 trong 50 quyển, đã góp thêm bằng chứng cho thây răng, quan diêm Tạp A-hàm có 10 tụng của ngài Tăng Triệu là có cơ sở. Bên cạnh đó5 nếu như các bài kinh liên quan đến chư thiên, dạ-xoa... nằm ở thiên thứ nhất thuộc Kỉnh Tương ưng bộ thì ở Kỉnh Tạp A-hàm các bài kinh này nằm ở quyển gần cuối. Sau khi đối khảo bài kinh thuộc Thiên phẩm được nêu dẫn trong Đại trí độ ỉuậ^ cho thấy rằng, bài kinh đó mang số 1.323 thuộc quyển 49 của Kinh Tạp A-hàm. Truyền bản Kỉnh Tạp A-hàm hiện được bảo tồn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh nằm trong tập thứ hai mang số hiệu 0099 gồm 50 quyển với 1.362 bài kinh. Dựa trên Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên của ngài Ản Thuận và từ thực tế khảo cửu của chúng tôi cho thấy rằng, có 3 kinh khá dài trong Kỉnh Tạp A-hàm. đó là kinh 604, 640 và 641; 3 kinh này cũng xuất hiện trong tác phẩm Thiên

29 Trường Ạ-hàm kinh roi. 0001.1. OOOlalO. Nguyên tác:.Có quan điểm cho rằng tụng ở đây chỉ cho ngày tụng. ^TạpA-hàm kinh luận hội biên ĩíK30. 01. b045a01. Nguyên tác: . 31 Đại trí độ luận 7L25. 1509.10.

thí dụ (JJivyāvadāna)?2 Những nêu dẫn trong bản kinh lục xưa nhất hiện còn như tác phẩm Xuất Tam tạng kỷ tập vẫn chưa thể xác đinh chính xác nguyên tác Kinh Tạp A-hàm đã có sẵn 2 bản kinh vừa nêu hay do ngài cầu-na-bạt-đà-la thêm vào. Tuy nhiên, trong 4 bộ A-hàm thỉnh thoảng cũng xuất hiện những câu chuyện sinh động và chúng đồng thời cũng có mặt trong Thiên thí dụ?3 Những bằng chứng liên quan đến trật tự, cấu trúc, hình thái tổ chức, số lượng các Kỉnh Tạp A-hàm hiện còn đến hôm nay, đã góp thêm nhiều bằng chứng cho thấy rằng bản Kinh Tạp A-hàm do ngài cầu-na-bạt-đà-la truyền dịch không phải là truyền bản do ngài Pháp Hiển mang về từ Tích Lan như Phí Trường Phòng đã 34 Có lẽ do vậy nên ngài Tăng Hựu (, ghi chép trong Lịch đại Tam bảo ký.32 33 445-518) trong Xuất Tam tạng kỷ tập cũng như ngài Tuệ Kiểu ()trong Cao Tăng truyện không găn két sự liên quan giữa hai truyên bản này. Như vậy, Kinh Tạp A-hàm do ngài cầu-na-bạt-đà-la dịch là một truyền bản độc lập, không phải là bản dịch từ nguyên tác Pãli của Kinh Tương ưng bộ có nguồn cội từ Tích Lan. Các bằng chứng về hình thái tổ chức, cấu trúc của bản kinh đã khăng định điêu này. Không những vậy, xét vê phương diện nội dung và tư tưởng, Kỉnh Tạp A-hàm có nhiều quan điểm kỳ đặc so với bản Kinh Tương ưng bộ được xem là bộ kinh tương đương. Vê phương diện tư tưởng và những diêm đặc thù, Kinh Tạp A-hàm chuyên chở nhiều dấu ấn của các bộ phái Phật giáo quan trọng. Khách quan hơn, có thể nói răng, các bộ phái Phật giáo đã tách riêng những quan diêm trong Kỉnh Tạp A-hàm và sử dụng chúng như là cơ sở lý luận của riêng tông phái mình. Đơn cử như kinh số 320 đã ghi nhận quan điểm chủ đạo của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvãstivãda,)qua đoạn đối đáp giữa đức Phật và Bà-la-môn

32 Theo chú thích của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh và khảo cứu của người viết, kinh 604 vốn là quyển 26 và 27; kinh 640 và 641 thuộc quyển 29 của tác phẩm Thiên thỉ dụ (Divyāvadāna). Tham chiếu: Cowell, E. B. and R. A. Neil (ed.), The Divyāvadāna: A Collection of Early Buddhist Legends Now First Edited from the Nepalese Sanskrit Manuscripts in Cambridge and Paris (Cambridge: Cambridge University Press, 1886). 33 Không phải chỉ xuất hiện trong Kinh Tạp A-hàm, nhiều câu chuyện trong Thiên thỉ dụ (Divyãvadãnà) còn xuật hiện trong 4 bộ A-hàm như Kinh tứ châu (7.02. 0026.17. 0494b 10) tương đương môt phần chuyện sô 17: Mãndhãtã Avadãna; một Kinh Tăng nhất A-hàm (7.02. 0125.11. OóOlalO) có tương đương chuyệnsố 35: Cũdãpaksa Avadãna. Theo tác giả Keith, A. B (A History of Sanskrit Literature, tr. 15)rửiì Thiên thí dụ Ipịvyãvadãnà) là tác phẩm văn học Sanskrit có niên đại hình thành vào khoảng the kỷ thứ hai. Thực tế khảo cứu của chúng tôi còn phát hiện ra rằng, tên gọi Bốn bộ A-ham (Āgamā Catushtayani) và cả tên kinh Trường A-harn (Dīrghagamā), Trung A-ham (Madhyamāgamd)^ Tang nhất A-hàm (Evaikottarikām/ Ekottarikāgama)... cung xuất hiện trong tác phàm này (Cowell, E. B. and R. A. Neil (ed.). 1886. The Divyāvadāna^ tr. 333). Những cứ liệu vừa nêu cho thấy nguồn gốc ban đầu của 3 kinh 604, 640 và 641 chưa phải xuat từ Thiên thí dụ (Divyāvadānd). ơ đây, nhăm góp phần giữ gìn và củng

cố tư liệu lịch sử, bản dịch tiếng Việt Kinh Tạp A-ham của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh vẫn giữ nguyên vị trí, số hiệu bản kinh này theo Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh. 34 Lịch đại Tam bảo kỷ (r.49. 2034.10. 0091a24) ghi: [Kinh Tạp A-harñ\ được dịch ở chùa NgoaQuan, do ngài Pháp Hiển mang về. Xem ztrong5 Tống Tê lục của ngài Đạo Tuệ ( ).cần nói thèm rằng, Tống Te []là mọt tác phẩm kinh lục của ngài Thích Đạo Tuệ ()được Phí Trường Phòng dân lại trong Lịch đại Tam bảo ký, ngài Thích Trí Thăng dung trong Khai Nguyên Thích giảo lục.

Sanh Văn: "Thưa Cù-đàm! Ngài cho rằng tất cả đều có, vây thế nào gọi là tất cả đều có?... Này Bà-la-môn! Có sắc, có sự nhận biết của mắt, có sự xúc chạm của mat, có nhân duyên xúc chạm của mắt nên sanh ra cảm thọ hoặc khổf hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng?" Bà-la-môn Sanh Văn đáp: "Thưa có, bạch Ngàir35 Quan điểm về "tất cả đều c6" cũng được ghi nhận trong Luật Mô-ha Tăng-kỳ3637 và cả trong Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích.31 Ngoài quan điểm thuộc về Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ vừa nêu, Kinh Tạp A-hàm cũng đồng thời ghi nhận những quan điểm của Phật giáo Đại thừa như giáo nghĩa "Trung dạo"(Majjhimāpatipadã) ở kinh số 262, 297, 300, 961, 962...; "Pháp tánh thường trụ()ở kinh 296, 299, 854; triết lý về "tánh không9 í)như kinh số 80, 236, 335, 567, 1258; triết lý về "Như th như kinh số 312; triết lý "Hết thảy do tâm tạo" như kinh số 267; "Mười hai thể tài kinh điển" như ở kinh số 1138. Ngoài ra, những cơ sở tư liệu thuộc vê A-tỳ-đàm? tâm lý học, luận lý học thê hiện qua sự phân tích giáo pháp trong những kinh như 917, 919, 964, 984, 985,1249... cũng là những nội dung sinh động được đề cập trong Kinh Tạp A-hàm. Đáng chú ý, xét về vai trò tư liệu lịch sử đã được học giới thừa nhận về giá tri niên đại thì Kỉnh Tạp A-hàm còn chuyên chở nhiều bài kệ tương đương với phẩm thứ năm trong Kinh tập (Suttanipãta), gọi là phẩm Đường đến bờ kia (Parāyanā) như các bài kinh 345, 982, 983, 1164, 1321...

Với những nội dung đặc thù và mang tính khái quát cao độ như vậy nên khó có thê khăng định chính xác Kỉnh Tạp A-hàm là truyền bản của bộ phái Phật giáo nào. Mặc dù vậy, qua những đối khảo bước đau giữa Kỉnh Tạp A-hàm, Luân Du-già sư địa và cả Kỉnh tập, đã cung cấp nhiều bằng chứng cho thấy Kinh Tạp A-hàm là tác phẩm văn hiến Phật giáo xưa nhất trong 4 bộ A-hàm và có thể bộ kinh này đã được đinh hình trong quá trình phân phái của Phật giáo. ở Việt Nam, bản dịch tiếng Việt Kinh TạpA-hàm đầu tiên do cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ thực hiện, được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành vào năm 1994. Mười bảy năm sau, Kinh Tạp A-hàm cũng được Hòa thượng Thích Đức Thắng trùng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích năm 2002, được NXB. Phương Đông ấn hành vào năm 2010. Cũng trong thời gian này, các công trình phiên dịch Ba tạng kinh điển Phật giáo ra tiếng bản xứ của nhiều quốc gia trên thế giới đã được nhiều cá nhân, tổ chức quan tâm. Hòa trong tâm thế đó, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã tham chiếu và kế thừa có chọn lọc những thành tựu có liên quan đến Kinh Tạp A-hàm từ các công trình trong nước cũng như trên thế giới, để hoàn thiện bản dịch tiếng Việt Kinh Tạp A-hàm.

35 Kinh TạpA-hàm (T.02. 0099.13. 0091b05). 36 Luật Ma-ha (r.22. 1425.40. 0548ỒỒ09). 37 Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X.44. 0744.1. 0407al0).

c KINH TẠPA-HÀM _____

Lời Phật là Thánh ngôn, nói như kinh số 245 trong Tạp A-hàm. Thánh ngôn đó phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa ly tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch.3S Với hàm nghĩa cao quý tột bậc như thê, cho nên việc chuyên nghĩa Thánh ngôn ra bát kỳ ngôn ngữ nào mà ở đây là tiếng Việt, là một sứ mạng không hề dễ dàng. Dầu nô lực tham chiêu từ nhiêu nguôn và cân trọng đên mức có thê nhưng cũng khó tránh khỏi những điều chưa đúng Thánh ý. Nơi đây, chúng con xin cúi mình kính lạy mười phương Tăng-già lân mẫn chỉ dạy để bản dịch được hoàn thiện hơn trong những ân bản vê sau. TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH thực hiện.

38 Kinh TạpA-hàm (r02. 0099.9. 0058cl8).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.